

Bản án số: 279/2025/DS-PT

Ngày: 16/4/2025

*V/v: Tranh chấp tiền bồi
thường; chuyển quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Diệp Linh

Bà Nguyễn Thu Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Phạm Phương Thảo, Thư
ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn
Phương Lan, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2025/TLPT-DS ngày
18/3/2025 về việc “Tranh chấp tiền bồi thường và quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/DS-ST ngày 26-30/9/2024 của Tòa án
nhân dân huyện Ba vì, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2025/QĐ-PT ngày
18/03/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2025/QĐPT-HPT ngày
09/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh H – Chức vụ: Chủ tịch
UBND huyện. Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phùng Hữu L – Giám
đốc Trung tâm quỹ đất huyện B.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có yêu cầu độc lập:

1. Ông Trần Quang T, sinh năm 1950, vợ Nguyễn Thị H1, sinh 1950 (bà
H1 uỷ quyền cho T). Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

2. Hộ gia đình bà Dư Thị L1, sinh năm 1948, chồng Nguyễn Văn L2,
sinh năm 1945 (mất năm 2022) và có 5 con:

+ Anh Nguyễn Đức L3, sinh 1971, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B,
Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1977, địa chỉ: C, sọc A, đường B, thành
phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Nguyễn Thị Bích L4, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, B, Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn T, B, Hà Nội.

+ Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, Thành phố Hà Nội.

3. Hộ gia đình bà Quách Thị H2, sinh năm 1966; chồng Nguyễn Đình T1, sinh năm 1966). Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà Nội. *(ông T1 uỷ quyền cho bà H2)*

4. Hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, sinh năm 1963; vợ Phùng Thị T2, sinh năm 1964 Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội. *(ông L5 uỷ quyền cho bà T2).*

5. Hộ gia đình ông Phạm Văn H3, sinh năm 1958; vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

6. Hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L6, sinh năm 1949; chồng Lê Quyết T3, sinh năm 1953 (mất năm 1982), có 3 người con:

+ Anh Lê Hồng Q, sinh 1978, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Lê Trung D, sinh năm 1980, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Lê Quyết T4, sinh năm 1982, địa chỉ: thôn D, xã D, huyện H, Hà Nội.

(anh Q, T4 uỷ quyền cho bà L6).

7. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; chồng Nguyễn Bá C, sinh năm 1958 (mất năm 2004) và có 2 con:

+ Nguyễn Bá C1, sinh năm 1980;

+ Nguyễn Bá T5, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm M, thôn C, huyện B, Hà Nội

(anh C1, anh T5 uỷ quyền cho bà X)

8. Hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L4, sinh năm 1944; chồng là Nguyễn Duy B, sinh năm 1944 (mất tháng 12 năm 2008), và có 6 người con:

+ Anh Nguyễn Duy B1, sinh 1970, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, TP ..

+ Anh Nguyễn Duy G, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Duy D1, sinh năm 1974, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Duy T6, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Duy T7 sinh năm 1978, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, TP ..

+ Chị Nguyễn Thị L7, sinh năm 1980, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, TP ..

(bà L4, G, L7 uỷ quyền cho T7)

9. Hộ gia đình ông Trần Quang T8, sinh 1961; vợ Nguyễn Thị H4, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội. *(bà H4 uỷ quyền cho ông T8)*

10. Hộ gia đình ông Trần Quang N2, sinh 1967; vợ Phùng Thị S1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội. *(bà S1 uỷ quyền cho ông N2)*

Đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Quang N2, bà Phùng Thị S1 là ông Phạm Văn T9, sinh năm 1994; trú tại: SN C A, ngách F, ngõ F phố Đ, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội. *(Văn bản uỷ quyền ngày 14/4/2015).*

11. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, sinh năm 1970; vợ Chị Hà Thị K, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội. *(ông T10 uỷ quyền cho bà K)*

12. Hộ gia đình ông Trần Quang S2, sinh năm 1968; vợ Phùng Thị H5, sinh năm 1969 Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội. *(bà H5 uỷ quyền cho ông S2).*

13. Hộ gia đình Bà Lê Thị X1, sinh năm 1957; chồng Nguyễn Duy T11, sinh năm 1954 (mất năm 2001) và có 5 người con:

- + Anh Nguyễn Duy T12, sinh 1978,
- + Anh Nguyễn Duy T13, sinh 1979,
- + Anh Nguyễn Duy L8, sinh 1982,
- + Anh Nguyễn Duy L9, sinh 1986,
- + Anh Nguyễn Duy T14, sinh 1990,

Cùng địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

(Anh T12, anh T13, anh L8, anh L9, anh T14 uỷ quyền cho bà X1).

***Bị đơn đồng thời là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Cụ Phạm Văn V1, sinh năm 1949; vợ Đỗ Thị B2, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của cụ V1, bà B2 là ông Phạm Văn T9, sinh năm 1994; trú tại: SN C A, ngách F, ngõ F phố Đ, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội. *(Văn bản uỷ quyền ngày 14/4/2015).*

2. Ông Nguyễn Đức T15, sinh năm 1960; vợ Phùng Thị N3, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

3. Cụ Nguyễn Thị L4, sinh năm 1949; Chồng là Nguyễn Duy H6, sinh năm 1948 (mất năm 2006), và có 5 người con:

+ Chị Nguyễn Thị T16, sinh 1971, địa chỉ: thôn Đ, thị trấn T, huyện B, TP ..

+ Chị Nguyễn Thị H7, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Duy T17, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn Đ, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Anh Nguyễn Duy B3, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

+ Chị Nguyễn Thị Bích D2, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà nội.

(bà L4, chị T16, chị H7, anh T17, chị D2 uỷ quyền cho anh B3).

4. Ông Nguyễn Xuân L10, sinh năm 1955; vợ Ngô Thị C2, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

5. Ông Nguyễn Đình T18, sinh năm 1960; vợ chị Nguyễn Thị H8, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

6. Bà Dư Thị L1, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác:**

1. Anh Nguyễn Bá C3, sinh năm 1976; vợ Nguyễn Thị T19, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Duy T20, sinh năm 1950; vợ Nguyễn Thị H9, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1963; vợ Phùng Thị S3, sinh 1965, địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.

4. Bà Lê Thị H10, sinh năm 1968 (*vợ ông Nguyễn Đình S – Nguyên đơn uỷ quyền cho ông Nguyễn Đình S*), địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, Huyện B, Thành phố Hà Nội.)

Do có kháng cáo của ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Nguyễn Thị L6, bà Dư Thị L1, bà Nguyễn Thị L4 là đương sự trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H10 trình bày:**

Năm 2008 hộ gia đình ông Nguyễn Đình S có chuyển đổi diện tích đất ruộng trên cho các hộ gia đình ở thôn C về một chỗ để đào ao, xây chuồng trại. Gia đình ông S sử dụng đất đổi từ năm 2008 cho đến nay, các bên thỏa thuận bằng lời và có viết giấy chuyển đổi đất, hai bên có thỏa thuận chuyển đổi lâu dài, vĩnh viễn, có chữ ký xác nhận của trưởng thôn Cầu B là ông Nguyễn Duy B4 xác nhận. Theo Quyết định số 7274 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện B ra quyết định phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: đầu tư tiếp nước, cải tạo Sông tích địa bàn thị trấn T, B, Hà Nội, theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng bồi thường đất, tài sản cây cối, công trình trên đất. Sau khi Ban giải phóng mặt bằng của U đến đo đạc kiểm tra tài sản và nên danh sách đền bù thì các hộ đã đổi đất cho gia đình ông S từ năm 2008 đã không đồng ý cho gia đình ông Nguyễn Đình S lấy tiền đền bù. Cụ thể việc đổi đất như sau:

1. Đổi đất với gia đình ông Trần Quang T, vợ là Nguyễn Thị H1:

Ngày 06 tháng 3 năm 2008 gia đình ông Nguyễn Đình S có thửa đất số 494, tờ bản đồ số 20, diện tích 156m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng ông Trần Quang T và bà Nguyễn thị H1 có thửa đất số 360, tờ bản đồ số 16, diện tích 128m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 360, tờ bản đồ số 16, diện tích 128m² được bồi thường hỗ trợ là **84.224.000đ.**

2. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng ông Nguyễn Văn L2 và bà Dư Thị L1: Ngày 01 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông S có thửa đất số 35, tờ bản đồ số 19, diện tích 180m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Văn L2 và chị Dư Thị L1 có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 288m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 150m² được bồi thường hỗ trợ là **98.700.000đ**. Và khu đất nhà Nguyễn Đình T1 vợ là Quách Thị H2 có đổi cho nhà anh Nguyễn Văn L2 và chị Dư Thị L1, nhà anh L2, L1 đổi lại cho ông. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 150m² được bồi thường hỗ trợ là **98.700.000đ**.

3. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Bá C3 và chị Nguyễn Thị T19 như sau: Ngày 03 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 246, tờ bản đồ số 20, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Bá C3 và chị Nguyễn Thị T19 có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² được bồi thường hỗ trợ là **103.306.000đ**.

4. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Duy L5 và chị Phùng Thị T2 như sau: Ngày 02 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 264, tờ bản đồ số 20, diện tích 185m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Duy L5 và chị Phùng Thị T2 có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² được bồi thường hỗ trợ là **103.306.000đ**.

5. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Phạm Văn V1 và chị Đỗ Thị B2 như sau: Ngày 05 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 94m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng anh Phạm Văn V2 và chị Nguyễn Thị B5 có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 187 m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 76,1m² (thu hồi một phần đất) được bồi thường hỗ trợ là **51.868.800đ**. (Anh Phạm Văn H3 là em trai anh V2 và vợ là Nguyễn Thị V.)

6. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Đức T15 và chị Phùng Thị N3 như sau: Ngày 09 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 72m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đức T15 và chị Nguyễn Thị N có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 72m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 29,2m² (thu hồi một phần đất) được bồi thường hỗ trợ là **19.913.000đ**.

7. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của chị Nguyễn Thị L6 như sau: Ngày 10 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 19, tờ bản đồ số

15, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có chuyển đổi cho chị Nguyễn Thị L6 có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 76,2m² (thu hồi một phần đất), diện tích mượn tạm 29,2 được bồi thường hỗ trợ là **51.599.500đ**.

8. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C4 như sau: Ngày 05 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 02, tờ bản đồ số 15, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho chị Nguyễn Thị X có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² được bồi thường hỗ trợ là **105.280.000đ**.

9. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Duy B (đã chết) và chị Nguyễn Thị L4 như sau: Ngày 04 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 368, tờ bản đồ số 20, diện tích 120m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Duy B6 và chị Nguyễn Thị L4 có thửa đất số 358, tờ bản đồ số 16, diện tích 250m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 358, tờ bản đồ số 16, diện tích 183,8m² (thu hồi một phần đất), diện tích mượn tạm 37,4 được bồi thường hỗ trợ là **122.810.400đ**.

10. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của chị Nguyễn Thị L4 như sau: Ngày 08 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 02, tờ bản đồ số 15, diện tích 360m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho chị Nguyễn Thị L4 có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 20, diện tích 336m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 310m² (thu hồi một phần đất), được bồi thường hỗ trợ là **215.824.000đ**. (Cụ thể hộ Trần Quang T8 vợ là Nguyễn Thị H11 và Trần Quang N2 có vợ là Nguyễn Thị S4).

11. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Xuân L10 và chị Ngô Thị C2 như sau: Ngày 01 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 468, tờ bản đồ số 20, diện tích 115m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Xuân L10 và chị Ngô Thị C2 có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 288m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 42,6m² (thu hồi một phần đất), diện tích mượn tạm 20,1 được bồi thường hỗ trợ **29.035.800đ**. Và khu đất nhà Nguyễn Văn T10 và vợ Hà Thị K có đổi cho nhà anh Nguyễn Xuân L10 và chị Ngô Thị C2, nhà anh L10, chị C2 đổi lại cho ông. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 63,2m² được bồi thường hỗ trợ là **43.055.600đ**. Và khu đất nhà Anh Trần Quang S2 và vợ là Phùng Thị H5 có đổi cho nhà anh Nguyễn Xuân L10 và chị Ngô Thị C2, nhà anh L10, chị C2 đổi lại cho ông. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 39,8m² được bồi thường hỗ trợ là **27.158.400đ**.

12. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Duy T20 và chị Nguyễn Thị H9 như sau: Ngày 09 tháng 4 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 287, tờ bản đồ số 20, diện tích 190m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Duy T20 và chị Nguyễn Thị H9 có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 190m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 60,6m² (thu hồi một phần đất), diện tích mượn tạm 26,0m² được bồi thường hỗ trợ là **41.174.800đ**.

13. Ngày 10 tháng 3 năm 2008 vợ chồng anh Nguyễn Văn P1 và chị Nguyễn Thị S5 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông có thửa đất số 358,360, tờ bản đồ số 16, diện tích 240m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội với giá 25.000.000đ. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 358, tờ bản đồ số 16, diện tích 116,3m² được bồi thường hỗ trợ là **77.665.400đ**, thửa đất số 360, tờ bản đồ số 16, diện tích 128,0m², được bồi thường hỗ trợ là **81.224.00đ**.

14. Chuyển đổi diện tích đất canh tác của vợ chồng anh Nguyễn Đình T18 và chị Nguyễn Thị H8 như sau: Ngày 02 tháng 3 năm 2008 vợ chồng ông có thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 80m² thuộc khu Đ, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đình T18 và chị Nguyễn Thị H8 có thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Và khu đất nhà Nguyễn Duy T11 (đã chết) có vợ Lê Thị X1 có đổi cho nhà anh Nguyễn Đình T18 và chị Nguyễn Thị H8Hồng, nhà anh T18, chị H8 đổi lại cho tôi. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 68,8m² được bồi thường hỗ trợ là **46.765.400đ**.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng là: **1.406.955.400đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, giữa gia đình ông Nguyễn Đình S và 09 hộ gia đình đã đạt được thoả thuận gồm:

1. Gia đình ông Nguyễn Bá C3, vợ là Nguyễn Thị T21
2. Gia đình ông Phạm Văn V1, vợ là Đỗ Thị B2
3. Gia đình ông Nguyễn Đức T15, vợ là P2+ Thị Nhung
4. Gia đình bà Nguyễn Thị L4, chồng là Nguyễn Duy H6
5. Gia đình ông Nguyễn Xuân L10, vợ là Ngô Thị C2
6. Gia đình ông Nguyễn Duy T20, vợ là Nguyễn Thị H9
7. Gia đình ông Nguyễn Văn P1, vợ là Phùng Thị S3 Sơn
8. Gia đình ông Nguyễn Đình T18, vợ là Nguyễn Thị Hồng

Giữa ông S3 và gia đình ông Trần Quang T đã đạt được thoả thuận, đề nghị Toà án công nhận việc đổi đất của hai gia đình từ năm 2008 để gia đình ông S3 được nhận số tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất số tiền 84.224.000đ; Gia đình ông T được sử dụng thửa đất số 494, tờ bản đồ số 20, diện tích 156m² thuộc khu T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Ông Nguyễn Đình S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, án phí liên quan đến việc đề nghị Toà án công nhận.

Các hộ gia đình khác mà gia đình ông S đổi đất đến nay còn tranh chấp cụ thể như sau:

1. Gia đình bà Dư Thị L1, chồng Nguyễn Văn L2

2. Gia đình bà Quách Thị H2, chồng là Nguyễn Đình T1 đổi qua bà Dư Thị L1.

3. Gia đình ông Nguyễn Duy L5 vợ Phùng Thị T2

4. Gia đình ông Phạm Văn H3, vợ là Nguyễn Thị V

5. Gia đình bà Nguyễn Thị L6, chồng là Lê Quyết T3

6. Gia đình bà Nguyễn Thị X, chồng là Nguyễn Bá C

7. Gia đình bà Nguyễn Thị L4, chồng là Nguyễn Duy B

8. Gia đình ông Trần Quang T8, vợ là Nguyễn Thị H4

9. Gia đình ông Trần Quang N2, vợ là Phùng Thị S1

10. Gia đình ông Nguyễn Văn T10, chồng là Hà Thị K

11. Gia đình ông Trần Quang S2, vợ là Phùng Thị H5

12. Gia đình bà Lê Thị X1, chồng là Nguyễn Duy T11

*** Tại văn bản nêu ý kiến ngày 28/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn UBND huyện B trình bày:**

Dự án cải tạo sông T đi qua địa bàn thôn C, thị trấn T thu hồi diện tích đất hộ ông Nguyễn Đình S đang trực tiếp quản lý 4.574,1m²; Trong đó, diện tích đất không được bồi thường là 181,8m² đất công hộ gia đình tự sử dụng, 217m² đất nông nghiệp công ích. Tổng số tiền người sử dụng đất được bồi thường là 2.579.271.600đ. Ông Nguyễn Đình S đã nhận bồi thường 1.173.659.800đ; Số tiền còn lại liên quan đến diện tích đất thu hồi có tranh chấp giữa ông Nguyễn Đình S và người được giao đất ban đầu nên chưa được chi trả. Toàn bộ số tiền chưa chi trả hiện đang được quản lý tại tài khoản của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B theo quy định. Danh sách chưa chi trả có tranh chấp như sau:

TT	Hộ sử dụng đất	Tờ BĐ	Số thửa	DT M ²	Tiền BT đất	Tiền thưởng TĐBG	Tiền chuyển đổi nghề tạo VL	Tổng
1	Trần Quang Tề Vợ: Nguyễn Thị Hiền	16	360	128	13,824,000	1,280,000	69,120,000	84,224,000
2	Nguyễn Văn Lân Vợ: Dư Thị Lợi	16	365	150	16,200,000	1,500,000	81,000,000	98,700,000
3	Trần Quang Thơm Vợ: Nguyễn Thị Hậu	16	365	160	17,280,000	1,600,000	86,400,000	105,280,000
4	Trần Quang Nho Vợ: Nguyễn Thị Sen	16	365	168	18,144,000	1,680,000	90,720,000	110,544,000
5	Nguyễn Duy Lý Vợ: Phùng Thị Tiễn	16	365	157	16,956,000	1,570,000	84,780,000	103,306,000
6	Nguyễn Bá Cường - đã chết Vợ: Nguyễn Thị Xuân (Téng)	16	365	160	17,280,000	1,600,000	86,400,000	105,280,000
7	Nguyễn Bá Chuột - đã chết Vợ: Phùng Thị Được - đã chết Con: Nguyễn Bá Công	16	365	157	16,956,000	1,570,000	84,780,000	103,306,000
8	Nguyễn Đình Thủy Vợ: Quách Thị Hiền	16	365	150	16,200,000	1,500,000	81,000,000	98,700,000

9	Nguyễn Duy Tý - đã chết Con: Nguyễn Duy Thìn	16	366	60.6	7,844,800	606,000	32,724,000	41,174,800
10	Phạm Văn Hồng Vợ: Nguyễn Thị Vinh	16	366	76.1	10,013,800	761,000	41,094,000	51,868,800
11	Nguyễn Đức Tề Vợ: Phùng Thị Nhung	16	366	29.2	3,853,600	292,000	15,768,000	19,913,600
12	Nguyễn Thị Lưu	16	366	76.2	9,689,600	762,000	41,148,000	51,599,600
13	Nguyễn Duy Tất - đã chết Vợ: Lê Thị Xu	16	366	68.8	8,925,400	688,000	37,152,000	46,765,400
14	Nguyễn Văn Thi Vợ: Hà Thị Khánh	16	366	63.2	8,295,600	632,000	34,128,000	43,055,600
15	Trần Quang Sang Vợ: Phùng Thị Hồng	16	366	39.8	5,268,400	398,000	21,492,000	27,158,400
16	Ngô Thị Chiến Chồng: Nguyễn Xuân Lực	16	366	42.6	5,605,800	426,000	23,004,000	29,035,800
17	Nguyễn Duy Bùng - Đã chết (Vợ Nguyễn Thị Liên)	16	358	183.8	21,720,400	1,838,000	99,252,000	122,810,400
18	Nguyễn Văn Phương Vợ: Phùng Thị Sơn	16	358	116.3	13,700,400	1,163,000	62,802,000	77,665,400
19	Nguyễn Văn Phương Vợ: Phùng Thị Sơn	16	360	128.0	13,824,000	1,280,000	69,120,000	84,224,000

Việc thực hiện thu hồi diện tích đất tại địa bàn thôn C do hộ gia đình ông Nguyễn Đình S quản lý sử dụng đối với dự án cải tạo sông Tích đã được thực hiện theo quy định của pháp luật. Hiện trạng khi thu hồi các thửa đất không còn bờ thửa, tại thời điểm kiểm đếm toàn bộ các thửa đất tranh chấp đã hình thành kinh tế vườn ao chuồng, toàn bộ đều do gia đình ông Nguyễn Đình S quản lý sử dụng. Ông Nguyễn Đình S và các hộ dân đều đã ký nhận biên bản bàn giao toàn bộ mặt bằng cho dự án sông T. Đến nay toàn bộ diện tích đất thu hồi đã thi công dự án sông T. Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện B lưu tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa chi trả tại tài khoản Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B để chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

*** Bị đơn, đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 do bà Đỗ Thị B2 làm đại diện trình bày:**

Ông bà thừa nhận năm 2008 có đổi đất cho anh Nguyễn Đình S diện tích đất tại thửa 366, tờ bản đồ 16 như anh S trình bày là đúng. Nguồn gốc đất ông bà đổi cho ông Nguyễn Đình S là tiêu chuẩn đất của mẹ đẻ ông V1, ông H5 được giao mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn H3. Sau đó, đại gia đình ông H3, ông V1 đã thống nhất giao diện tích đất đám mạ này cho gia đình ông bà sử dụng vì ông V1 là con trưởng. Ngày 27/12/2023 ông Phạm Văn V1 và bà Đỗ Thị B2 có đơn từ chối tham gia tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết

và đề nghị trả lại tiền bồi thường sông tích cho anh Nguyễn Đình S. Ngày 03/7/2024 bà Đỗ Thị B2 lại yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án trả lại tiền bồi thường sông tích cho bà số tiền 51.868.800đ và bà trả lại đất ruộng cho anh Nguyễn Đình S thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 96m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị B2 giữ nguyên yêu cầu không đồng ý việc đổi đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình S và đề nghị được nhận tiền bồi thường thu hồi đất số tiền là 51.868.800đ.

**** Bị đơn, đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 do bà Phùng Thị N3 làm đại diện trình bày:***

Năm 2008 ông bà N3 có đổi đất nông nghiệp cho anh Nguyễn Đình S như anh S trình bày. Sau khi đổi ruộng cho anh S gia đình bà có cấy 1 đến 2 vụ thì lúa bị hỏng, sau đó có trồng cỏ một thời gian, nay bỏ không. Ngày 27/12/2023 ông T15, bà N3 từ chối tham gia tố tụng và không yêu cầu tòa án giải quyết và hai bên có làm biên bản thỏa thuận đổi đất ruộng cho nhau. Ngày 27/6/2024 bà Phùng Thị N3 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết trả lại số tiền bồi thường sông tích cho bà là 19.913.000đ và bà trả lại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 72m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội cho anh Nguyễn Đình S.

**** Bị đơn đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L4, Nguyễn Duy H6 do anh Nguyễn Duy B3 làm đại diện trình bày:***

Anh là con trai của bà Nguyễn Thị L4, anh được bà L4 và các anh em ủy quyền cho anh tham gia tố tụng. Gia đình anh có thửa đất số 159, 160, tờ bản đồ số 26, diện tích 456m² thôn Đ, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi đất cho gia đình ông Trần Quang T8 có vợ bà Nguyễn Thị H4 và gia đình ông Trần Quang N2 có vợ Nguyễn Thị S4. Thửa đất gia đình anh giao cho gia đình ông T8, gia đình ông N2 khi đổi đất đến nay gia đình ông T8, gia đình ông N2 vẫn đang sử dụng. Gia đình anh lấy đất đổi của gia đình ông T8, ông N2 là thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² khu T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội của ông Trần Quang T8 và bà Nguyễn Thị H4. Thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 168m² khu T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội của ông Trần Quang N2 và bà Nguyễn Thị S4 hai thửa đất cùng một thửa mang đổi lại cho gia đình anh Nguyễn Đình S. Khi đổi đất anh có thông báo cho anh Nguyễn Đình S biết nguồn gốc đất của gia đình ông T8, gia đình ông N2 nên phải có sự đồng ý của gia đình ông T8, ông N2. Tuy nhiên việc gia đình anh S có làm việc với gia đình ông T8, gia đình ông N2 hay không thì anh không được biết. Gia đình anh có lấy thửa đất số 02, tờ bản đồ 15, diện tích 360m² thuộc khu T, thôn C, thị trấn T, B, Hà Nội của gia đình anh Nguyễn Đình S. Hiện nay thửa đất của anh S gia đình anh vẫn đang sử dụng trồng đào trên đất và gia đình anh vẫn đang thực hiện đúng các thỏa thuận khi đổi đất cho các bên nên không có tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung liên quan.

**** Bị đơn đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18, bà Nguyễn Thị H8 do ông Nguyễn Đình T18 đại diện trình bày:***

Ông là em của ông Nguyễn Duy T11, vợ ông T11 là bà Lê Thị X1. Gia đình ông có diện tích đất khai hoang khoảng 150m² thuộc khu X, thôn C, thị trấn T, B, Hà Nội gần thửa đất của gia đình bà X1. Ông khai hoang phần bờ lớn và sử dụng diện tích đất này sau khi Nhà nước đã giao đất cho các hộ gia đình sử dụng ổn định. Sau đó, ông có đổi diện tích đất khai hoang này cho gia đình bà X1 sử dụng theo yêu cầu của ông T11 là để ông lấy chỗ đánh bắt cá. Gia đình bà X1 giao cho ông sử dụng diện tích đất diện tích 147m² thuộc thửa 366, tờ bản đồ 16 của gia đình bà X1, ông T11 ở xứ Trần Bà M. Thời gian đổi đất với gia đình bà X1 ông không nhớ chính xác. Đến năm 2008 thì ông mang diện tích đất đã đổi với gia đình bà X1 để đổi lại đất cho anh Nguyễn Đình S lấy thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 80 m² thuộc khu Đ, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Gia đình anh S sử dụng đất từ năm 2008 đến nay. Đất của 3 gia đình đã sử dụng ổn định từ ngày đó cho đến nay nên ông không có tranh chấp hay ý kiến gì khác đối với thửa đất của ông đổi cho bà X1, anh S. Ông xin được từ chối tham gia tố tụng và xin được vắng mặt các buổi làm việc của Tòa án.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 do ông Trần Quang T làm đại diện trình bày:** Năm 2008 vợ chồng ông T, bà H1 có thửa đất số 360, tờ bản đồ số 16, diện tích 128m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì thửa đất số 360, tờ bản đồ số 16, diện tích 128m² được bồi thường hỗ trợ là **84.224.000đ** đồng ý đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đình S lấy thửa đất số 483, tờ bản đồ số 18, diện tích 120m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Nay quan điểm của ông Trần Quang T đề nghị Tòa án công sự thỏa nhận việc đổi đất nông nghiệp của hai gia đình.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình bà Dư Thị L1, ông Nguyễn Văn L2 do bà Dư Thị L1 làm đại diện trình bày:** Năm 2008 vợ chồng bà đổi thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 288m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội (trong đó có 1/2 diện tích đất của bà và 1/2 diện tích đất bà đổi của nhà anh Nguyễn Đình T1 và chị Quách Thị H2 có đổi cho bà). Bà có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đình S và vợ chồng bà lấy thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15, diện tích 180m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội của anh Nguyễn Đình S. Sau khi đổi đất bà có canh tác trồng lúa thời gian ngắn rồi bà không canh tác được nữa do cỏ mọc hoang, hiện nay không ai canh tác đất nông nghiệp. Bà đề nghị giải quyết bà trả lại thửa đất bà nhận khi đổi cho gia đình anh S tại xứ Đ, thôn C. Thửa đất của gia đình bà mà anh S sử dụng dự án sông tích đã thu hồi anh S nhận tiền bồi thường thì trả cho bà bằng 1/2 giá trị tương ứng số tiền 49.350.000đ. Đối với phần đất của nhà anh Nguyễn Đình T1 và chị Quách Thị H2 đất thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 150m² được bồi thường hỗ trợ là 98.700.000đ. Quan điểm của bà không đồng ý đổi đất với bà Quách Thị H2. Bà H2 đang sử dụng thửa đất của bà phải trả lại cho bà, còn đất bà H2 ở Bà M liên quan đến anh S thì bà H2 và anh S tự giải quyết. Thửa đất khác gia đình bà đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S ở Bà M đã bị thu hồi thì bà đề nghị được nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng 98.700.000đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình bà Quách Thị H2, ông Nguyễn Đình T1 do bà Quách Thị H2 làm đại diện trình bày:**

Bà có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 150m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội có đổi đất cho bà Dur Thị L1, bà lấy thửa đất của bà Dur Thị L1 thửa số 439, tờ bản đồ 16 diện tích 180m² thuộc xứ T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Sau đó bà L1 lấy đất của bà đổi cho anh Nguyễn Đình S. Nay bà đề nghị giải quyết để bà được tiếp tục sử dụng thửa đất của bà Dur Thị L1 đã đổi cho bà. Diện tích đất của bà mà bà L1 mang đổi cho anh S sau đó Nhà nước thu hồi bà không có ý kiến gì, không yêu cầu được hưởng phần tiền nào. Đề nghị Toà án công nhận hợp đồng đổi đất giữa bà với bà Dur Thị L1.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 do bà Phùng Thị T2 làm đại diện trình bày:**

Năm 2008 gia đình bà có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 157 m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội nay được bồi thường hỗ trợ là 103.306.000đ. Và có đổi lấy thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16, diện tích 185m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội của vợ chồng anh Nguyễn Đình S, hiện nay gia đình bà vẫn đang canh tác. Bà đề nghị giải quyết bà trả lại thửa đất bà nhận đổi cho anh gia đình anh Nguyễn Đình S thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16, diện tích 185m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B. Thửa đất của gia đình bà mà anh S sử dụng dự án sông tích đã thu hồi anh S nhận tiền bồi thường thì trả cho bà bằng ½ giá trị tương ứng số tiền 51.653.000đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Phạm Văn H3, bà Đỗ Thị V3 do ông Phạm Văn H3 đại diện trình bày:**

Ông có vợ là Nguyễn Thị V và các con Phạm Văn Q1; Phạm Văn P3; Phạm Thị P4. Anh trai ông là ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 vợ ông V1 là chị dâu của ông. Gia đình ông được giao diện tích đất đám mạ 187m² ở khu T thuộc thửa 366, tờ bản đồ 16. Do gia đình ông V1, bà B2 không có đất reo mạ nên ông cho vợ chồng ông V1, bà B2 sử dụng thửa đất này, thời gian giao đã lâu ông không nhớ. Sau đó vợ chồng ông V1, bà B2 đổi đất cho gia đình ông Nguyễn Đình S như thế nào ông không biết. Sau đó gia đình ông S có đào ao làm trang trại trên thửa đất thì ông có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay Nhà nước thu hồi thửa đất vẫn mang tên ông thì ông yêu cầu được nhận tiền 51.868.800đ tiền bồi thường sông T. Ông Phạm Văn H3 có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 03/5/2024 Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 07/5/2024 ông Phạm Văn H3 nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 1.200.000đ theo Biên lai số 00014123 tại Chi cục thi hành án huyện Ba Vì, Hà Nội. Ngày 03/7/2024 ông Phạm Văn H3 xin rút yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H3 tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận gia đình ông Phạm Văn H3 là người có diện tích đất 187m² ở khu Trần Bà Mại thửa 366, tờ bản đồ 16 và ông H3 được đại diện gia đình nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 51.868.800đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L6, Lê Quyết T3 do cụ Nguyễn Thị L6 đại diện trình bày:**

Cụ có chồng là Lê Quyết T3 (đã chết năm 1982); các con gồm Lê Hồng Q, sinh năm 1978; Lê Trung D, sinh năm 1980; Lê Quyết T4, sinh năm 1982. Cụ được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 xứ đồng Tràm Bà M, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Năm 2008, cụ có đổi diện tích ruộng này cho gia đình anh Nguyễn Đình S để lấy diện tích đất 147m²

tại thửa 19, tờ bản đồ 15 xứ Đồng Châu. Sau khi đổi đất, gia đình anh S đã mức thành ao và xây dựng chuồng trại, thửa đất của gia đình anh S đổi cho cụ thì cụ để không, không canh tác gì. Theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án sông T thì diện tích đất thu hồi một phần là 76,2m². Tiền bồi thường hỗ trợ là 51.599.500đ. Phần ruộng của gia đình cụ mà anh S quản lý trước đây khi thu hồi còn lại là 70,8m² thuộc ao anh S đang sử dụng. Quan điểm của cụ là cụ nhận lại diện tích đất 70,8m², tiền Nhà nước bồi thường cụ nhận 50%, gia đình anh S nhận 50%.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Bá C do bà Nguyễn Thị X đại diện trình bày:**

Năm 2008 bà có đổi đất cho anh S là đúng và gia đình bà có canh tác được một vài vụ lúa rồi bỏ hoang không canh tác. Bà đề nghị giải quyết bà trả lại thửa đất bà nhận khi đổi cho anh gia đình anh S thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 84m² (đất 2 lúa) thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Thửa đất của gia đình bà thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² mà anh S sử dụng đào ao làm trang trại trên đất nay Nhà nước lấy làm dự án sông T đã thu hồi, được bồi thường hỗ trợ là 105.280.000đ thì bà yêu cầu trả cho bà bằng ½ giá trị tương ứng số tiền 52.640.000đ, còn lại bà trả lại cho anh S. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X yêu cầu giải quyết cho bà được nhận toàn bộ tiền bồi thường hỗ trợ là 105.280.000đ và bà trả lại cho gia đình ông Nguyễn Đình S diện tích đất đã đổi 84m² tại khu Đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Trần Quang T8, bà Nguyễn Thị H4 do ông Trần Quang T8 làm đại diện trình bày:**

Vợ ông là Nguyễn Thị H4 có ủy quyền cho ông tham gia tố tụng. Năm 2007 vợ chồng ông có giao dịch hoán đổi đất ruộng cho gia đình bà Nguyễn Thị L4. Vợ chồng ông có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê đứng tên ông T8 và bà L4) nguồn gốc thửa đất là của UBND xã chia cho vợ chồng ông, vợ chồng ông có đổi cho bà Nguyễn Thị L4 có thửa đất số 159,160, tờ bản đồ số 26, tổng diện tích 328m² (trong đó đổi cho vợ chồng ông lấy diện tích 160m² còn lại đổi cho ông Trần Quang N2 và bà Phùng Thị S1 lấy diện tích 168m² thuộc khu X, thị trấn T, huyện B, H12 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê đứng tên bà L4). Sau khi đổi đất cho bà L4 diện tích đất của bà L4 ông vẫn cấy lúa và thu hoạch. Hai gia đình đều nhất trí đổi đất cho nhau, để tiện cho việc canh tác, khi đổi hai bên không viết giấy tờ, chỉ đổi mồm với nhau.

Sau đó đến năm 2008 bà Nguyễn Thị L4 lấy thửa đất của ông đã đổi cho bà L4 và bà L4 đổi cho anh Nguyễn Đình S, anh S có đào ao và xây dựng trang trại trên thửa đất gia đình ông không có ý kiến hay tranh chấp gì với anh S.

Cho đến năm 2018 có phương án đền bù sông tích thì các bên mới có tranh chấp, Nhà nước thu hồi thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Quan điểm của ông đất của ông thì ông xin được lấy số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng số tiền là 105.280.000đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Trần Quang N2, bà Phùng Thị S1 do ông Trần Quang N2 đại diện trình bày:**

Vợ ông là Phùng Thị S1 có ủy quyền cho ông tham gia tố tụng, ông sinh năm 1967, vợ ông sinh năm 1968 không thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Ông có đơn yêu cầu độc lập, tòa án có giao cho ông thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông không nộp với lý do ông không kiện ai nên ông không nộp và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Năm 2007 vợ chồng ông có giao dịch hoán đổi đất ruộng cho bà Nguyễn Thị L4. Vợ chồng ông có thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 168m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê đứng tên ông N2 và S1), nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông N2 để lại sau đó sang tên vào sổ mục kê đứng tên vợ chồng ông, vợ chồng ông có đổi cho bà Nguyễn Thị L4 có thửa đất số 159,160, tờ bản đồ số 26, tổng diện tích 328m² (trong đó đổi cho vợ chồng ông lấy diện tích 168m² còn lại đổi cho ông Trần Quang T8 và bà Nguyễn Thị H4 lấy diện tích 160m² thuộc khu X, thị trấn T, huyện B, Hà Nội (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê đứng tên bà L4). Sau khi đổi đất cho bà L4 diện tích đất của bà L4 ông vẫn cấy lúa và thu hoạch. Hai gia đình đều nhất trí đổi đất cho nhau, để tiện cho việc canh tác, khi đổi hai bên không viết giấy tờ, chỉ đổi mồm với nhau.

Sau đó đến năm 2008 bà Nguyễn Thị L4 lấy thửa đất của ông đã đổi cho bà L4 và bà L4 đổi cho anh Nguyễn Đình S, anh S có sử dụng thửa đất để đào ao và xây dựng trang trại trên thửa đất gia đình ông không có ý kiến hay tranh chấp gì với anh S.

Cho đến năm 2018 có phương án đền bù sông tích thì các bên mới có tranh chấp, Nhà nước thu hồi thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 168m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Quan điểm của ông đất của ông thì ông xin được lấy số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 110.544.000đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 do ông Trần Quang S2 đại diện trình bày:**

Vợ ông là Phùng Thị H5 có ủy quyền cho ông tham gia tố tụng. Ông đổi đất cho gia đình bà Ngô Thị C2, ông Nguyễn Xuân L10. Ông lấy thửa đất của gia đình bà C2 ở xứ G, gia đình bà C2 lấy thửa đất của ông ở xứ Bà M. Khi Nhà nước thu hồi đất ở xứ G, bà C2 đã lấy tiền bồi thường và trả lại thửa đất của ông ở xứ Bà M. Việc gia đình bà C2 đổi đất cho gia đình ông S như thế nào ông không được biết, không được thông báo. Tại địa phương ông được biết anh S có đào ao sử dụng thửa đất gia đình ông ở xứ Bà M nhưng do ruộng ngập thường xuyên, anh S làm ao nên ông cũng tạo điều kiện để anh S làm mà không có ý kiến gì. Nay thửa đất gia đình ông được cấp tại xứ Bà M bị thu hồi thì ông đề nghị gia đình ông được nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng 27.158.400đ. Ông sinh năm 1968, vợ ông sinh năm 1969 không thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Ông có đơn yêu cầu độc lập, tòa án có giao cho ông thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông không nộp với lý do ông không kiện ai nên ông không nộp và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K do bà Hà Thị K làm đại diện trình bày:**

Ông Nguyễn Văn T10 là chồng bà có ủy quyền cho bà tham gia tố tụng. Bà đổi đất cho gia đình bà Ngô Thị C2, ông Nguyễn Xuân L10. Bà lấy thừa đất của gia đình bà C2 ở xứ Đ, gia đình bà C2 lấy thừa đất của bà ở xứ Bà M. Năm 2016, hai bên gia đình đã đổi lại đất cho nhau như khi được giao ban đầu. Việc gia đình bà C2 đổi đất của gia đình bà cho gia đình ông S như thế nào bà không được biết, không được thông báo. Khi bà C2 trả lại đất cho gia đình bà thì hiện trạng đã là ao do anh S đào. Nay thừa đất gia đình bà được cấp tại xứ Bà M bị thu hồi thì bà đề nghị gia đình bà được nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng 43.055.600đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông bà Lê Thị X1, ông Nguyễn Duy T11 do bà Lê Thị X1 làm đại diện trình bày:**

Năm 2006 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H8 và ông Nguyễn Đình T18 sử dụng đất ruộng để gieo mạ thừa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê đứng tên ông T11 và bà X1) nguồn gốc thừa đất là của UBND xã giao cho vợ chồng bà.

Năm 2008 vợ chồng bà Nguyễn Thị H8 và ông Nguyễn Đình T18 có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đình S thừa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội thừa đất của bà. Khi đổi vợ chồng bà H8, ông T18 không nói gì với bà, khi UBND xã gọi lên bà mới biết. Năm 2008 anh Nguyễn Đình S có đào ao trên thừa đất gia đình bà không có ý kiến hay tranh chấp gì với anh S.

Cho đến năm 2018 có phương án đền bù sông T thì các bên mới có tranh chấp, Nhà nước thu hồi một phần thừa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 68,8m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Quan điểm của bà đất của bà xin được lấy số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng số tiền là 46.765.400đ.

Còn lại diện tích đất 78,2m² tại thừa đất số 366, tờ bản đồ số 16, thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội hiện nay ông Nguyễn Đình S đang quản lý phải trả lại cho bà. Trị giá khoảng 50.000.000đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 trình bày:**

Gia đình anh được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 157m² tại thừa số 365, tờ bản đồ 16 mang tên bố anh là ông Nguyễn Bá C5. Năm 2008 gia đình anh có đổi đất cho hộ gia đình anh Nguyễn Đình S để lấy ½ thừa đất số 264, tờ bản đồ 16, diện tích 185m² xứ đồng Hooc Lò. Hai bên đã giao nhận ruộng đất đổi cho nhau.

Tại biên bản lời khai ngày 27/12/2023 và đơn yêu cầu độc lập anh Nguyễn Bá C3 đề nghị giải quyết để gia đình anh Công nhận được ½ tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 51.065.300đ và trả lại ½ diện tích đất đã đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S tại xứ đồng H. Ngày 28/12/2023, anh C3, chị T22 có đơn xin rút yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận toàn bộ tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Đình S đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận chuyển đổi đất nông nghiệp giữa gia đình anh Nguyễn Đình S và gia đình anh Nguyễn Bá C3, anh Nguyễn Đình S tự nguyện chịu toàn bộ án phí đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển đổi đất.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 trình bày:***

Gia đình bà được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 144m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên cụ Nguyễn Duy T23 (bố ông T20). Năm 2008, gia đình bà có đổi thửa đất này cho gia đình anh Nguyễn Đình S để lấy diện tích đất 190m² thửa đất 287, tờ bản đồ 20 xứ đồng C. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và sử dụng ổn định từ năm 2008. Theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng sông T thì diện tích đất thu hồi được bồi thường hỗ trợ số tiền 41.174.800đ. Gia đình bà đề nghị chi trả cho gia đình anh Nguyễn Đình S.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Đình S đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận chuyển đổi đất nông nghiệp giữa gia đình anh Nguyễn Đình S và gia đình ông Nguyễn Duy T20. Anh Nguyễn Đình S tự nguyện chịu toàn bộ án phí đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển đổi đất.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 trình bày:***

Gia đình ông bà được giao sử dụng diện tích đất 150m² tại thửa 358 và 128m² tại thửa 360. Năm 2008, vợ chồng ông bà chuyển nhượng diện tích đất được giao tại hai thửa đất số 358, 360, tờ bản đồ 16 cho gia đình anh Nguyễn Đình S với giá chuyển nhượng là 25.000.000đ. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và giao nhận tiền. Gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng hai thửa đất từ đó đến nay. Ông P1, bà S cũng không có ý kiến gì, yêu cầu giải quyết nội dung gì đối với vụ án anh Nguyễn Đình S khởi kiện tranh chấp tiền bồi thường sông T và từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/DS-ST ngày 26-30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đình S.
+ Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp được xác lập giữa hộ gia đình ông Nguyễn Đình S và các hộ gia đình tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội cụ thể như sau:

1. Công nhận hiệu lực pháp luật của Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất diện tích 204m² tại các thửa đất 358, 360, tờ bản đồ 16 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội giữa người chuyển nhượng hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1 bà Phùng Thị S3 và người nhận chuyển nhượng hộ gia đình anh Nguyễn Đình S, chị Lê Thị H10 năm 2008. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng diện tích đất 128m² tại thửa đất 360, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 84.224.000đ; Thu hồi 139,1m² tại thửa 358, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 77.665.400đ. Tổng là 161.889.400đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi đối với diện tích đất mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 tại thửa 358 là 10,9m².

2. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B năm 2008. Diện tích đất hộ gia đình anh Nguyễn Duy B1 sử dụng 150m² tại thửa thửa 368, tờ bản đồ 20 khu Tràm Bà Mạ hiện đã thu hồi,

anh B1 đã nhận được tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không tranh chấp gì với người đổi đất là gia đình anh Nguyễn Đình S nên HĐXX không xem xét. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 231,2 m² đất tại thửa 358, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B, Nguyễn Thị L4 là 122.810.400đ. Hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 28.8m².

3. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 giữa hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng thửa đất 483, tờ bản đồ 16, diện tích 120m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 128m² tại thửa 360, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1, số tiền là 84.224.000đ.

4. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 được quyền sử dụng ½ thửa đất 264, tờ bản đồ 16, diện tích 185m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên gia đình ông Nguyễn Bá C5 con Nguyễn Bá C3, số tiền là 103.306.000đ.

5. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 được quyền sử dụng diện tích đất 190m² thửa đất 287, tờ bản đồ 20, xứ đồng Trần Cổ N4 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 86,6m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy T23, con trai Nguyễn Duy T20 số tiền là 41.174.800đ. Gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 57,4m²

6. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 sử dụng diện tích đất 72m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu Trên tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 43,2m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo

bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 số tiền là 19.913.600đ. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 28,8m².

7. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 với hộ gia đình ông Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 sử dụng ½ thửa đất 264, tờ bản đồ 16 tương đương diện tích đất 185m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 số tiền là 103.306.000đ.

8. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình bà Nguyễn Thị X với hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 84m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị X sử dụng diện tích đất 84m² thửa đất 02, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị X là 105.280.000đ.

9. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 147m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 152m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 sử dụng diện tích đất 147m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 105,4m² trong đó có 29,2m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 số tiền là 51.599.600đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 46,6m².

10. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất diện tích đất 80m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 sử dụng diện tích đất 80m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại xứ đồng Châu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 98,7m² trong đó có 29,9m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà ông Nguyễn Duy T11 bà Lê thị X1 là 46.765.400đ. Giao hộ gia

đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 48,3m².

11. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình ông Trần Quang N2, hộ gia đình ông Trần Quang T8 với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 456m² tại các thửa đất số 159, 160, tờ bản đồ số 26, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao hộ gia đình ông Trần Quang T8, hộ gia đình ông Trần Quang N2 được sử dụng toàn bộ 02 thửa đất số 156, 160 tờ bản đồ số 26, diện tích 456m² xứ đồng T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Trong đó diện tích hộ gia đình ông Trần Quang T8 sử dụng diện tích là 160m²; Hộ gia đình ông Trần Quang N2 sử dụng diện tích đất là 296m².

12. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 được sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 xứ đồng Trầu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T8 là 105.280.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 168m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang N2 là 110.544.000đ.

13. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 về việc chuyển đổi diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 150m² tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội

Giao hộ gia đình bà Quách Thị H2 được sử dụng diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

14. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Châu Trên và diện tích đất 300m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao Hộ gia đình bà Dư Thị L1 được sử dụng diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Trầu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 là 98.700.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 là 98.700.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dư Thị L1 đòi quyền sử dụng đất của bà Quách Thị H2

15. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19.

Giao hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 được sử dụng diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 112m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị V là 51.868.800đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H3 về việc nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

16. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi các diện tích đất: diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10; diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2; Diện tích 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 với diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 được sử dụng diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ Ao Bá thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 92,6m² tại thửa 36, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K là 43.055.600đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 sau thu hồi còn là 51,4m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 59,2m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 là 27.158.400đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2 sau thu hồi còn là 34,8m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi diện tích đất 62,7m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 là 29.035.800đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 sau thu hồi còn là 35,3m².

Dành quyền khởi kiện Dành quyền khởi kiện cho gia đình ông Trần Quang S2 đối với gia đình ông Nguyễn Xuân L10 trong một vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

17. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự chuyển đổi lại quyền sử dụng đất năm 2018 giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 bà Hà Thị K và gia đình ông Nguyễn Xuân L10 về việc chuyển đổi lại diện tích đất 175m²

tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu

Giao Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K được tiếp tục sử dụng diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 được tiếp tục diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu mang tên hộ gia đình bà Ngô Thị C6.

Buộc gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 phải trả cho gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K giá trị quyền sử dụng diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 là 16.092.000đ.

Kể từ ngày hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 không tự nguyện trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

+ Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

+ Tổng số tiền hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được nhận là 1.404.611.800. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Gia đình ông Nguyễn Đình S có nghĩa vụ liên hệ với Trung tâm quỹ đất huyện B để nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Tổng số diện tích đất còn lại sau thu hồi giải phóng mặt bằng trong vụ án này hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng là 485,7m².

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các hộ gia đình được giao quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Nguyễn Thị L6, bà Du Thị L12, bà Nguyễn Thị L4 kháng cáo đối với Bản án dân sự số 114/DS-ST ngày 26-30/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba vì, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Trần Quang S2 trình bày:** Gia đình ông đòi đất cho gia đình bà Ngô Thị C2, ông Nguyễn Xuân L10. Ông lấy thửa đất của gia đình bà C2 ở xứ G, gia đình bà C2 lấy thửa đất của ông ở xứ Bà M. Khi Nhà nước thu hồi đất ở xứ G, bà C2 đã lấy tiền bồi thường và trả lại thửa đất của ông ở xứ Bà M. Việc gia đình bà C2 đòi đất cho gia đình ông S như thế nào ông không được biết. Ông biết anh S có đào ao sử dụng thửa đất gia đình ông ở xứ Bà M nhưng do ruộng ngập thường xuyên, nên ông cũng tạo điều kiện để anh S làm mà không có ý kiến gì. Ông đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng, gia đình ông được nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng 27.158.400đ.

- **Bà Hà Thị K** trình bày: Gia đình bà đổi đất cho gia đình bà Ngô Thị C2, ông Nguyễn Xuân L10. Bà lấy thừa đất của gia đình bà C2 ở xứ Đ, gia đình bà C2 lấy thừa đất của bà ở xứ Bà M. Năm 2016, hai bên gia đình đã đổi lại đất cho nhau. Việc gia đình bà C2 đổi đất của gia đình bà cho gia đình ông S như thế nào bà không được biết, không được thông báo. Ông S đào ao tại thửa ruộng của bà thì bà có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay thừa đất gia đình bà được cấp tại xứ Bà M bị thu hồi thì bà đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm cho gia đình bà được nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng 43.055.600đ. Bà không nhận tiền do vợ chồng bà C2 thanh toán.

- **Bà Đỗ Thị B2 và người đại diện theo uỷ quyền** trình bày: Bà Bộ ông V1 không đồng ý việc đổi đất cho anh S, ông bà trả lại ruộng cho anh S và đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, cho ông bà được nhận tiền đền bù ruộng của Nhà nước là 51.868.800 đồng.

- **Ông Trần Quang T8** trình bày: Năm 2007 gia đình ông có đổi ruộng cho gia đình bà Nguyễn Thị L4. Năm 2008 bà L4 lấy thừa đất của ông đã đổi cho bà L4 và bà L4 đổi cho anh Nguyễn Đình S, anh S có đào ao và xây dựng trang trại trên thừa đất gia đình ông không có ý kiến hay tranh chấp gì với anh S. Nay Nhà nước thu hồi thừa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 160m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm cho ông được lấy số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 105.280.000đ.

- **Ông Trần Quang N2 và đại diện theo uỷ quyền** trình bày: Năm 2007 vợ chồng ông N2 có giao dịch hoán đổi đất ruộng cho bà Nguyễn Thị L4. Sau khi đổi đất cho bà L4 diện tích đất của bà L4 ông N2 vẫn cấy lúa và thu hoạch. Hai gia đình chỉ đổi mồm với nhau để tiện cho việc canh tác, không viết giấy tờ. Năm 2008 bà Nguyễn Thị L4 lấy thừa đất của ông đã đổi cho bà L4 và bà L4 đổi cho anh Nguyễn Đình S, anh S có sử dụng thừa đất để đào ao và xây dựng trang trại trên thừa đất gia đình ông N2.

Nhà nước thu hồi thừa đất số 365, tờ bản đồ số 16, diện tích 168m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm cho ông N2 bà S1 được lấy số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 110.544. 000đ.

- **Bà Lê Thị X1** trình bày: Năm 2006 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H8 và ông Nguyễn Đình T18 sử dụng đất ruộng để gieo mạ thừa đất số 366, tờ bản đồ số 16, diện tích 147m² thuộc khu T, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Năm 2008 vợ chồng bà Nguyễn Thị H8 và ông Nguyễn Đình T18 có đổi cho vợ chồng anh Nguyễn Đình S thừa đất trên. Khi đổi vợ chồng bà H8, ông T18 không nói gì với bà. Khi anh Nguyễn Đình S có đào ao trên thừa đất gia đình bà không có ý kiến hay tranh chấp gì với anh S.

Nhà nước thu hồi một phần thừa đất trên. Bà đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, cho bà được số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 46.765.400đ và diện tích ruộng còn lại.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Nguyễn Thị L6 và đại diện của bà Dư Thị L1 trình bày: Gia đình các ông, bà có đổi đất ruộng cho anh S. Nay ông bà không đổi nữa. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm cho gia đình ông bà được nhận tiền đền bù đất.

Bà Nguyễn Thị L4 vắng mặt tại phiên toà.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S trình bày: Việc gia đình ông đổi ruộng cho các gia đình là có thật, có văn bản và được trưởng thôn ký xác nhận. Ông đã nộp các tài liệu này cho UBND xã, nay có tranh chấp thì ông xin lại và đã nộp cho tòa. Số ruộng đổi được gia đình ông làm trang trại, đào ao thả cá các hộ đều biết và không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HĐXX công bố lời khai của các đương sự vắng mặt

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/DS-ST ngày 26-30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba vì, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Nguyễn Thị L6, bà Du Thị L12, bà Nguyễn Thị L4 nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng:

Người có kháng cáo là bà Nguyễn Thị L4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do thì được coi là từ bỏ yêu cầu kháng cáo. HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà L4 theo quy định tại Điều 296 BLTTDS

Về nội dung:

Dự án cải tạo sông Tích do UBND huyện B là chủ đầu tư đi qua địa bàn thôn C, thị trấn T có thu hồi diện tích đất mà hộ gia đình ông Nguyễn Đình S đang trực tiếp quản lý 4.574,1m²; Trong đó, diện tích đất không được bồi thường là 181,8m² đất công hộ gia đình tự sử dụng, 217m² đất nông nghiệp công ích. Đến nay toàn bộ diện tích đất thu hồi đã thi công dự án sông T. Tổng số tiền người sử dụng đất được bồi thường là 2.579.271.600đ. Ông Nguyễn Đình S đã nhận bồi thường 1.173.659.800đ; số tiền còn lại là 1.404.611.800đ chưa được chi trả.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định số tiền 1.404.611.800đ chưa được chi trả liên quan đến 18 hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất ban đầu, tổng diện tích đất giao cho hộ gia đình 2.114,6m² và 264,1m² đất mượn tạm liên quan đến 10 hộ gia đình. Giữa hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và 18 hộ gia đình có tranh chấp về việc chuyển quyền sử dụng đất. Do vậy cần xem xét tính hợp pháp của người sử dụng từng thửa đất theo từng giao dịch chuyển quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình anh Nguyễn Đình S với các hộ gia đình để làm căn cứ xác định người được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và người được tiếp tục sử dụng các thửa đất còn lại.

Tài liệu chứng cứ liên quan đến số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ trong vụ án này không có sự thống nhất giữa sổ mục kê và sổ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi công tác quản lý đất đai ở địa phương thị trấn T, dẫn tới lời trình bày của các đương sự cũng có sự không thống nhất. Tuy nhiên, khi kiểm tra so sánh thì có sự nhất quán về diện tích, xứ đồng được thể hiện trên tờ bản đồ 299. Do vậy, HĐXX sử dụng số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ trong các tờ bản đồ 299 để quyết định giải quyết.

1. Đối với Hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 được giao sử dụng diện tích đất 150m² tại thửa 358 và 128m² tại thửa 360. Thông tin lưu trữ tại sổ đăng ký cấp giấy chứng nhận lưu tại UBND thị trấn T. Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Đình S và lời khai ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 (BL480) đều xác nhận năm 2008, vợ chồng ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 chuyển nhượng hai thửa đất số 358, 360, tờ bản đồ 16 cho gia đình anh Nguyễn Đình S với giá chuyển nhượng là 25.000.000đ. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và giao nhận tiền. Gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng hai thửa đất từ đó đến nay. Cả hai bên gia đình chưa thực hiện đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất nhưng giao dịch chuyển quyền đã được xác lập và thực hiện xong. Do vậy, cần áp dụng Điều 689, 116, 129 BLDS năm 2015 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 204m² tại các thửa đất 358, 360, tờ bản đồ 16 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội giữa người chuyển nhượng hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 và người nhận chuyển nhượng hộ gia đình anh Nguyễn Đình S, chị Lê Thị H10. Xác định gia đình anh Nguyễn Đình S, chị Lê Thị H10 là chủ sử dụng hợp pháp các thửa đất 358, 360, tờ bản đồ 16 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hiện nay, dự án sông T đã thực hiện thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ đối với hai thửa đất này nên cần áp dụng Điều 77 Luật đất đai 2013 giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất. Cụ thể: Việc thu hồi toàn bộ diện tích tại thửa đất 360, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 84.224.000đ; Thu hồi 116,3m² tại thửa 358, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 77.665.400đ. Tổng là 161.889.400đ. Đối với diện tích đất còn lại tại thửa 358 là 10,9m² đất mượn tạm hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục quản lý sử dụng và có nghĩa vụ thực hiện đúng quy định của pháp luật đối với người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thửa đất hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B, cụ Nguyễn Thị L4 được giao sử dụng diện tích đất 250m² tại thửa 358, tờ bản đồ 16. Thông tin lưu trữ tại sổ đăng ký cấp giấy chứng nhận lưu tại UBND thị trấn T, số quản lý I57118. Lời khai của anh Nguyễn Duy B1 (con cụ B) và anh Nguyễn Đình S đều thể hiện: Anh B1 là con nuôi của bố mẹ anh Nguyễn Đình S. Do có quan hệ tình cảm hai nhà nên năm 2008, cụ Nguyễn Duy B có cho gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất 250m² của gia đình tại thửa 358, tờ bản đồ 16. Còn gia đình anh Nguyễn Đình S cho anh Nguyễn Duy B1 sử dụng diện tích đất 150m² của gia đình anh S tại thửa 368, tờ bản đồ 20 khu Tràm Bà M. Thửa đất anh S cho anh B1 thì anh B1 sử dụng, khi Nhà nước thu hồi đất anh B1 đã được nhận tiền bồi thường. Đối với diện tích đất 250m² mà cụ B giao cho anh S sử dụng thì năm 2008, anh S chuyển đổi đào ao các anh em của anh B1 đến gặp anh B1 nói chuyện là đất có phần của các em sao anh B1 mang đi đổi

hết, để phần các em bán. Sau đó giữa anh S và các em anh B1 đã có trao đổi về việc sử dụng đất. Lời khai anh Nguyễn Đình S thể hiện sau đó anh đã thỏa thuận mua của anh T3 với số tiền là 10 triệu đồng rồi tiếp tục làm ao vườn. Lời khai của anh T3 trình bày anh T3 không nhận tiền mua bán từ anh S; Lời khai của cụ Nguyễn Thị L4 tại BL526 và tại phiên tòa trình bày việc đổi đất do chồng và con của cụ đổi, cụ không biết. Gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng đất từ năm 2008 đến nay. Lời khai của chị Nguyễn Thị L7 (con cụ L4, cụ B) tại Biên bản làm việc ngày 29/12/2023 BL532 thể hiện khoảng năm 2010 chị có nghe mẹ chị kể là anh Nguyễn Đình S có trả cho mẹ chị tiền hoa màu số tiền 5 triệu đồng.

HĐXX xét thấy: Theo trình bày của hai bên gia đình thì việc đổi đất do cụ Nguyễn Duy B đại diện hộ gia đình đứng ra giao dịch với anh Nguyễn Đình S trên cơ sở mối quan hệ thân tình của hai gia đình. Quá trình thực hiện giao dịch, phía gia đình anh Nguyễn Đình S đã giao diện tích đất 150m² cho con cụ B là anh Nguyễn Duy B1, đến nay anh B1 cũng đã nhận được đầy đủ quyền và lợi ích của người sử dụng đất mà anh S giao cho. Về phía gia đình anh Nguyễn Đình S thì sau khi nhận đất đổi với cụ B thì giữa các thành viên của gia đình cụ B đã có ý kiến bổ sung quyền lợi. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Duy T7, cụ Nguyễn Thị L4 có ý kiến trình bày khác với nội dung trình bày của nguyên đơn Nguyễn Đình S. Anh Nguyễn Đình S không đưa ra được căn cứ trả tiền cho anh Nguyễn Duy T7 số tiền 10 triệu đồng nhưng lời khai của chị Nguyễn Thị L7 thể hiện việc anh Nguyễn Đình S có trả tiền cho gia đình cụ Nguyễn Duy B, Nguyễn Thị L4. Từ năm 2008 hộ gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất mà cụ B giao cho, đã đào ao, làm vườn nhưng các thành viên khác của gia đình cụ Nguyễn Duy B đều không có tranh chấp ngăn cản gì. Như vậy, có cơ sở để xác định có giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Duy B và anh Nguyễn Đình S về việc đổi đất cho nhau. Quá trình thực hiện hai bên đều đã giải quyết những khúc mắc về quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình theo đó ngoài hai diện tích đất đổi thì gia đình anh Nguyễn Đình S có trả thêm tiền đất cho gia đình cụ Nguyễn Duy B. Tại thời điểm giao dịch đổi đất có vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 124 và chưa thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo điều 692 BLDS năm 2005 nhưng nội dung giao dịch rõ ràng và đã thực hiện xong, nay cụ Nguyễn Duy B đã chết, một số thành viên của hộ gia đình cụ B là cụ Nguyễn Thị L4, anh Nguyễn Duy T7 phủ nhận có giao dịch đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của cụ Nguyễn Thị L4 về việc diện tích đất 250m² tại thửa 358, tờ bản đồ 16 trong hồ sơ đất đai vẫn mang tên gia đình cụ L4 nên cụ L4 được nhận tiền bồi thường GPMB là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B năm 2008. Diện tích đất hộ gia đình anh Nguyễn Duy B1 sử dụng 150m² tại thửa 368, tờ bản đồ 20 khu Tràm Bà Mại hiện đã thu hồi, anh B1 đã nhận được tiền bồi thường GPMB và không tranh chấp gì với người đổi đất là gia đình anh Nguyễn Đình S nên HĐXX không xem xét.

Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 183,8m² và 37,4m² đất mượn tại thửa 358, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B, Nguyễn Thị L4 là 122.810.400đ. Hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 28,8m².

3.Đối với hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 128m² tại thửa số 360, tờ bản đồ 16 (BL 605); Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao thửa đất số 483, tờ bản đồ 16, diện tích 120m². Lời khai của anh S, ông T đều trình bày ngày 06/3/2008, hai bên có giao dịch hoán đổi hai thửa đất cho nhau, sau đó hộ gia đình anh S đã sử dụng diện tích đất 128m² tại thửa 360, tờ bản đồ 16; Hộ gia đình ông T đã sử dụng diện tích đất 120m² tại thửa đất 483, tờ bản đồ 16. Hai bên cùng đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng thửa đất 483, tờ bản đồ 16, diện tích 120m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB là 84.224.000đ đối với diện tích đất 128m² tại thửa 360, tờ bản đồ 16 mang tên chủ sử dụng đất theo hồ sơ lưu trữ ông Trần Quang T, vợ là Nguyễn Thị H1.

4. Hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 157m² tại thửa số 365, tờ bản đồ 16 mang tên ông Nguyễn Bá C5 (bố anh C3) (BL 586); Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao thửa đất số 264, tờ bản đồ 16, diện tích 370m² xứ đồng Hooc Lò mang tên bà Nguyễn Thị V4 (mẹ đẻ anh S BL606A). Lời khai của anh S, anh C3 đều trình bày năm 2008, hai bên có giao dịch chuyển đổi đất cho nhau, theo đó hộ gia đình anh C3 giao cho hộ gia đình anh S được sử dụng diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 còn hộ gia đình anh S giao cho hộ gia đình anh C3 được sử dụng 185m² (1/2 diện tích thửa) tại thửa 264, tờ bản đồ 16. Việc chuyển đổi đã thực hiện từ năm 2008 đến nay, anh Nguyễn Bá C3 và ông Nguyễn Duy L5 cũng là người đổi đất với anh S sử dụng 1/2 diện tích còn lại tại thửa đất 264 đã phân định ranh giới chia ngang thửa đất. Hộ gia đình anh S, hộ gia đình anh C3 cùng đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 được quyền sử dụng 1/2 thửa đất 264, tờ bản đồ 16, diện tích 185m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên ông Nguyễn Bá C5 là 103.306.000đ.

5.Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 144m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên cụ Nguyễn Duy T23 (bố ông T20) (BL 600); Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được sử dụng hợp pháp diện tích đất 190m² thửa đất 287, tờ bản đồ 20 xứ đồng Cổ Ngựa có nguồn gốc do gia đình anh Nguyễn Đình S đổi cho gia đình anh Nguyễn Duy B1 mà có. Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Đình S và lời khai

của ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 (BL 358) đều xác nhận hai gia đình có đổi hai thửa đất trên cho nhau. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và sử dụng ổn định từ năm 2008. Hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20 đề nghị giao hộ anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường GPMB số tiền 41.174.800đ và không có tranh chấp gì. Nguyên đơn anh Nguyễn Đình S đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 được quyền sử dụng diện tích đất 190m² thửa đất 287, tờ bản đồ 20, xứ đồng Trần Cỏ N5, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 86,6m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy T23, con trai Nguyễn Duy T20 là 41.174.800đ. Gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 57,4m².

6.Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 72m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16; Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao sử dụng thửa 19, tờ bản đồ 19, diện tích 455m². Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Đình S và lời khai của ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 (BL 382) cùng xác nhận: Năm 2008, gia đình ông Nguyễn Đức T15 và gia đình anh Nguyễn Đình S giao dịch đổi đất cho nhau theo đó gia đình ông Nguyễn Đức T15 đã giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất 72m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 còn gia đình anh Nguyễn Đình S giao cho gia đình ông Nguyễn Đức T15 sử dụng diện tích đất 72m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 (sử dụng chung thửa với các gia đình ông Nguyễn Đình T18, gia đình ông Phạm Văn V1, gia đình bà Nguyễn Thị L6 cũng là người đổi đất cho anh S). Việc đổi đất đã xong, cả hai bên đều sử dụng đất đổi cho nhau từ năm 2008 khi Nhà nước có thu hồi đất. Lời khai ban đầu ông T15, bà N3 đều đề nghị Tòa án công nhận việc đổi đất, giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường GPMB thu hồi 43,2m² số tiền 19.913.600đ. Ngày 27/6/2024 và tại phiên tòa, bà Phùng Thị N3 đề nghị giải quyết trả lại diện tích 72m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 thuộc xứ đồng Châu Trên thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội cho gia đình anh Nguyễn Đình S và đề nghị được nhận tiền bồi thường thu hồi đất 19.913.600đ và được tiếp tục sử dụng diện tích đất chưa thu hồi còn là 28,8m². HĐXX xét thấy: Giao dịch đổi đất của các bên năm 2008 là tự nguyện, do đại diện hộ gia đình xác lập và thực hiện. Tại thời điểm giao dịch có vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 124 và chưa thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo điều 692 BLDS năm 2005 nhưng nội dung giao dịch rõ ràng và đã thực hiện xong, nay gia đình Phùng Thị N3 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình Phùng Thị N3 là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 72m² tại thửa 366,

tờ bản đồ 16 và diện tích đất 72m^2 tại thửa 19, tờ bản đồ 19. Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 sử dụng diện tích đất 72m^2 thửa đất 19, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu Trên tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất $43,2\text{m}^2$ tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 là 19.913.600đ. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là $28,8\text{m}^2$.

7. Hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 157m^2 tại thửa số 365, tờ bản đồ 16 mang tên ông Nguyễn Duy L5 (BL 584); Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao thửa đất số 264, tờ bản đồ 16, diện tích 370m^2 xứ đồng Hooc Lò mang tên bà Nguyễn Thị V4 (mẹ đẻ anh S BL 606A). Lời khai của anh Nguyễn Đình S, lời khai của ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 đều thừa nhận năm 2008, hai gia đình có thỏa thuận đổi đất cho nhau theo đó hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 đã giao cho hộ gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất 157m^2 tại thửa 365, tờ bản đồ 16; Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S đã giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích tại thửa 264, tờ bản đồ 16 xứ Hooc Lò tương đương diện tích 185m^2 . Hộ gia đình anh S sử dụng thửa đất đổi đã sáp nhập với các thửa đất khác đào ao làm vườn; hộ gia đình ông L5 sử dụng diện tích đất đổi tại thửa 264 đã phân định ranh giới chia ngang thửa đất với hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3. Hai diện tích đất mà hai bên gia đình chuyển đổi cho nhau chưa làm thủ tục đăng ký biến động trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng vẫn sử dụng ổn định từ năm 2008 đến khi Nhà nước thu hồi GPMB dự án sông T thì xảy ra tranh chấp số tiền bồi thường 103.306.000đ. Hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tiền bồi thường và trả lại gia đình anh Nguyễn Đình S $\frac{1}{2}$ diện tích đất đổi của gia đình anh S tại thửa 264 tương đương $185\text{m}^2 : 2 = 92,5\text{m}^2$. Xét thấy: Giao dịch đổi đất của các bên năm 2008 là tự nguyện, do đại diện hộ gia đình xác lập và thực hiện. Tại thời điểm giao dịch có vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 124 và chưa thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo điều 692 BLDS năm 2005 nhưng nội dung giao dịch rõ ràng và đã thực hiện xong, nay gia đình ông Nguyễn Duy L5 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 185m^2 tại thửa 264, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 157m^2 tại thửa 365, tờ bản đồ 16. Giao hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất 264, tờ bản đồ 16 tương đương diện tích đất 185m^2 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 157m^2 tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 là 103.306.000đ.

8. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Bá C được giao sử dụng diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 (BL585); Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao thửa đất 02, tờ bản đồ 19, diện tích 460m² xứ đồng Châu Trên (mang tên bà Nguyễn Thị V4 (mẹ đẻ anh S BL 606A). Lời khai anh Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị X cùng thể hiện, năm 2008, bà X và anh S có giao dịch chuyển đổi đất, theo đó gia đình bà Nguyễn Thị X sử dụng diện tích đất 3.5 thước (84m²) (đất hai lúa) tại thửa 02, tờ bản đồ 19 của hộ gia đình anh Nguyễn Đình S còn hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được sử dụng thửa đất diện tích 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 (đất 1 lúa) của hộ gia đình bà X. Sau khi thỏa thuận hoán đổi, hộ gia đình bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Đình S đã canh tác trên thửa đất đổi cho nhau. Bà X trình bày: Diện tích đất anh S đổi cho bà chung cùng một thửa với các diện tích đất anh S đổi cho gia đình bà C7 và gia đình bà L4. Ba gia đình đã tự chia ranh giới sử dụng, bà X trình bày bà canh tác diện tích đất đổi của gia đình anh S tại vị trí tiếp giáp thửa đất số 16 được khoảng một năm rồi bỏ đất hoang. Hộ gia đình anh S sử dụng thửa đất đổi đã sáp nhập với các thửa đất khác đào ao làm vườn. Hai diện tích đất mà hai bên gia đình chuyển đổi cho nhau chưa làm thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi Nhà nước thu hồi GPMB dự án sông T thì xảy ra tranh chấp số tiền bồi thường 105.280.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu hộ gia đình bà Nguyễn Thị X yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tiền bồi thường và trả lại gia đình anh Nguyễn Đình S $\frac{1}{2}$ diện tích đất đổi của gia đình anh S tại thửa 02 tương đương $84\text{m}^2 : 2 = 42\text{m}^2$. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X yêu cầu được nhận toàn bộ tiền bồi thường và trả lại diện tích đất 3.5 thước tại thửa đất số 02 đã đổi trước đó cho gia đình anh S. Xét thấy: Giao dịch đổi đất của các bên năm 2008 là tự nguyện, do đại diện hộ gia đình xác lập và thực hiện. Tại thời điểm giao dịch có vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 124 và chưa thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo điều 692 BLDS năm 2005 nhưng nội dung giao dịch rõ ràng và đã thực hiện xong, nay gia đình bà Nguyễn Thị X thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị X là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình bà Nguyễn Thị X về việc chuyển đổi hai diện tích đất 84m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16. Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị X sử dụng diện tích đất 84m² thửa đất 02, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị X là 105.280.000đ.

9. Đối với gia đình bà Nguyễn Thị L6 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 152m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16; gia đình anh Nguyễn Đình S được giao sử dụng thửa đất 19, tờ bản đồ 19 diện tích 455m². Lời khai của anh Nguyễn Đình S và lời khai của bà Nguyễn Thị L6 (BL 548,549) đều thừa nhận: Năm 2008, gia đình anh S và gia đình bà L6 giao dịch đổi đất cho nhau theo đó

gia đình bà Nguyễn Thị L6 giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất 152m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 còn gia đình anh Nguyễn Đình S giao cho gia đình bà Nguyễn Thị L6 sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu Trên (sử dụng chung thửa với các gia đình ông Nguyễn Đình T18, gia đình ông Phạm Văn V1, gia đình ông Nguyễn Đức T15 cũng là người đổi đất cho anh S). Bà L6 sử dụng đất đổi một thời gian rồi bỏ hoang. Hộ gia đình anh S sử dụng thửa đất đổi đã sáp nhập với các thửa đất khác đào ao làm vườn. Hai diện tích đất mà hai bên gia đình chuyển đổi cho nhau chưa làm thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi Nhà nước thu hồi GPMB dự án sông T thì xảy ra tranh chấp số tiền bồi thường 51.599.600đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L6 yêu cầu được nhận ½ tiền bồi thường và trả lại gia đình anh Nguyễn Đình S ½ diện tích đất đổi của gia đình anh S tại thửa 19 tương đương $147\text{m}^2 : 2 = 73,5\text{m}^2$. HĐXX Xét thấy: Giao dịch đổi đất của các bên năm 2008 là tự nguyện, do đại diện hộ gia đình xác lập và thực hiện. Tại thời điểm giao dịch có vi phạm về hình thức theo quy định tại Điều 124 và chưa thực hiện đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo điều 692 BLDS năm 2005 nhưng nội dung giao dịch rõ ràng và đã thực hiện xong, nay gia đình bà Nguyễn Thị L6 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 147m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 152m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16. Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 sử dụng diện tích đất 147m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 105,4m² trong đó có 29,2m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 là 51.599.600đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 46,6m².

10. Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Duy T11, bà Lê Thị X1 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 (BL 606); Ông Nguyễn Đình T18 là em ông Nguyễn Duy T11, ông T18 có vợ là bà Nguyễn Thị H8. Lời khai ông Nguyễn Đình T18 (BL 329) và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện vào khoảng năm 1998, ông Nguyễn Đình T18 và ông Nguyễn Duy T11 thỏa thuận đổi đất cho nhau theo đó gia đình ông Nguyễn Duy T11 giao cho gia đình ông Nguyễn Đình T18 được sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 của hộ ông T11 còn gia đình ông Nguyễn Đình T18 giao cho gia đình ông T11 sử dụng diện tích đất khai hoang khoảng 150m² tại xứ đồng Mả Vua có vị trí là bờ ruộng lớn, một bên giáp nương nước, một bên tiếp giáp các thửa đất 180, 183 là vùng trũng để gia đình ông T11 đánh bắt cá. Thỏa thuận đổi đất bằng lời nói, xong cả hai bên đã giao nhận đất cho nhau, gia đình ông Nguyễn Đình T18 sử dụng đất đổi đến năm 2008 thì mang đổi lại cho gia đình anh Nguyễn Đình S để lấy diện tích đất 80m² của hộ

gia đình anh Nguyễn Đình S tại thửa 19, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu Trên. Giữa hộ gia đình ông T18 và hộ gia đình anh S đến nay không có tranh chấp gì về việc đổi đất. Lời khai của bà Lê Thị X1 BL340 trình bày: Ông Nguyễn Duy T11 đã chết năm 2001, năm 2006 bà X1 có giao cho vợ chồng ông T18, bà H8 sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 để reo mạ. Việc gia đình ông T18, bà H8 đổi đất cho gia đình anh S thì bà X1 không được biết vì ông T18 không thông báo gì cho gia đình bà. Năm 2008, gia đình anh S đào ao trên diện tích gia đình bà được giao tại thửa 366 bà không có ý kiến gì. Đối với việc ông T18 trình bày đổi đất khai hoang cho gia đình bà X1 để đánh cá, bà X1 có quan điểm diện tích đất mà ông T18 nói khai hoang đó gia đình bà có sử dụng để đánh cá nhiều năm nhưng diện tích đó vẫn thuộc đất ruộng của gia đình bà, ông T18 không có đất để đổi. Từ năm 2008 đến năm 2018 các bên không có tranh chấp gì cho đến khi Nhà nước thu hồi đất dự án sông T thì có tranh chấp tiền bồi thường. Quan điểm của gia đình ông Nguyễn Đình T18 đề nghị giải quyết trả tiền bồi thường GPMB cho gia đình anh Nguyễn Đình S; Quan điểm của bà Lê Thị X1 là tiền bồi thường GPMB diện tích đất mang tên gia đình bà thì trả cho bà, đồng thời bà được sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 48,3m²; Quan điểm của anh Nguyễn Đình S đề nghị giải quyết công nhận việc đổi đất giữa hộ gia đình ông T18 và gia đình anh S và cho gia đình anh S được nhận tiền bồi thường GPMB và được sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi còn 48,3m².

HĐXX xét thấy: Diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 ban đầu được giao cho gia đình ông Nguyễn Duy T11, bà Lê Thị X1 sử dụng. Quá trình sử dụng, gia đình bà X1 đã chuyển quyền sử dụng diện tích đất này cho gia đình ông Nguyễn Đình T18. Nội dung chuyển quyền sử dụng đất giữa gia đình bà X1 và gia đình ông T18 trình bày có khác nhau nhưng giao dịch giữa hai bên đã được xác lập và thực hiện. Bà X1 thừa nhận có sử dụng diện tích đất của gia đình ông T18 sử dụng trước đó để đánh bắt cá và thực tế bà có giao cho gia đình ông T18 diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 từ năm 2006, bà X1 không biết việc ông T18 đổi đất cho anh S nhưng cũng không có ý kiến gì việc anh S sử dụng diện tích đất đào ao, làm vườn. Như vậy, có căn cứ để khẳng định việc gia đình bà Lê Thị X1 đã chuyển quyền sử dụng diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 cho gia đình ông Nguyễn Đình T18. Việc chuyển quyền sử dụng đất về hình thức và thủ tục thực hiện chưa đầy đủ nhưng đã thực hiện xong việc giao nhận và quản lý sử dụng đất, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị X1 về việc được nhận tiền bồi thường GPMB và tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi. Đối với diện tích đất khai hoang mà ông T18, bà X1 trình bày liên quan đến việc đổi đất, chính quyền địa phương không nắm được thông tin, không xác định được vị trí diện tích nên không có căn cứ giao cho gia đình bà Lê Thị X1 sử dụng. Việc gia đình ông Nguyễn Đình T18 sau đó sử dụng diện tích đất diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S, lời khai của cả ông T18 và anh S đều xác nhận có giao dịch đổi đất và đã thực hiện xong, đến nay gia đình ông T18 và gia đình anh S không có tranh chấp. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực của giao

dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 về việc chuyển đổi hai diện tích đất, diện tích đất 80m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16. Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 sử dụng diện tích đất 80m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại xứ đồng Châu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 98,7m² trong đó có 29,9m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà ông Nguyễn Duy T11 bà Lê thị X1 là 46.765.400đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 48,3m².

11. Đối với hộ gia đình ông Trần Quang N2 và hộ gia đình ông Trần Quang T8 là hai anh em ruột. Hộ gia đình ông Trần Quang N2 được giao sử dụng diện tích đất 168m² (BL 583); hộ gia đình ông Trần Quang T8 được giao sử dụng diện tích 160m² (BL 582) liền kề nhau, tổng diện tích là 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4, ông Nguyễn Duy H6 được giao sử dụng thửa đất số 159, 160, tờ bản đồ số 26, diện tích 456m² đồng T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội mang tên Nguyễn Duy H6 (BL 606B). Lời khai của gia đình bà L4 và lời khai của gia đình ông N2, ông T8 đều thể hiện: Năm 2007, hộ gia đình bà L4 và gia đình ông T8, gia đình ông N2 có giao dịch bằng lời nói đổi đất cho nhau do đất của gia đình bà L4 gần với đất ao thau của ông T8 tại xứ đồng T, thỏa thuận đổi theo đó: Gia đình bà L4 sử dụng hai diện tích đất tổng 328m² của ông N2, ông T8 tại thửa 365, tờ bản đồ 16; gia đình ông T8 sử dụng diện tích 160m²; Gia đình ông N2 sử dụng diện tích còn lại 456-160 = 296 m² tại hai thửa 159, 160 xứ đồng Tò Tê. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất cho nhau, gia đình ông T8, ông N2 và gia đình bà L4 đã canh tác, quản lý diện tích đất đã đổi cho nhau nhưng chưa đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước.

Sau khi đổi đất với ông T8, ông N2. Gia đình bà L4 sử dụng diện tích đất tại thửa 365, tờ bản đồ 16 được khoảng 1 năm thì mang hai diện tích đất này đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S. Lời khai của gia đình anh S và gia đình bà L4 do anh Nguyễn Duy B3 đại diện đều xác nhận: Năm 2008, gia đình bà L4 và gia đình anh S có giao dịch đổi đất cho nhau theo đó: Gia đình anh Nguyễn Đình S giao cho gia đình bà Nguyễn Thị L4 sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 của gia đình anh Nguyễn Đình S (sử dụng chung thửa với gia đình bà Nguyễn Thị X và gia đình bà Nguyễn Thị C7 là những người cũng đổi đất với gia đình anh S) còn gia đình bà Nguyễn Thị L4 giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 mà gia đình bà L4 có được từ việc đổi đất với gia đình ông Trần Quang N2, gia đình ông Trần Quang T8. Việc đổi đất sang ngang, không có đền bù gì. Từ năm 2008, gia đình ông Nguyễn Đình S chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất đám mạ một lúa sang làm kinh tế vườn ao. Các bên đổi đất cho nhau cùng chung sống tại thôn C đều không ai có ý kiến gì. Tranh chấp giữa các bên chỉ phát sinh khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án sông T và bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích 160m² mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T8 và 168m² mang tên hộ gia đình ông Trần

Quang N2. Gia đình ông N2, ông T8 yêu cầu được nhận tiền bồi thường GPMB do các ông không đổi đất cho gia đình anh S và trên giấy tờ quản lý Nhà nước hai diện tích đất thu hồi vẫn mang tên ông T8, ông N2.

HĐXX xét thấy: Mặc dù giao dịch đổi đất giữa gia đình ông N2, ông T8 và gia đình bà L4 cũng như việc đổi đất giữa gia đình bà L4 và gia đình anh Nguyễn Đình S tại thời điểm giao dịch đều xác lập bằng lời nói, chưa đăng ký biến động là chưa đúng với các quy định tại Điều 124, 692 BLDS năm 2005 nhưng các bên đã thực hiện xong việc đổi đất chứng minh bằng hành vi giao nhận đất đổi cho nhau, quá trình sử dụng đã canh tác, quản lý đất cũng như không có ý kiến gì về việc từ năm 2008 gia đình anh Nguyễn Đình S đã chuyển đổi sử dụng từ đất đám mạ trồng lúa 1 vụ sang đất vườn ao. Diện tích đất hộ gia đình bà L4 có được do đổi đất cho hộ gia đình anh S hiện nay gia đình bà L4 vẫn đang quản lý sử dụng trồng đào. Nội dung giao dịch giữa các bên rõ ràng và đã thực hiện xong. Nay gia đình ông Trần Quang N2, ông Trần Quang T8 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình ông Trần Quang N2, ông Trần Quang T8 là không được chấp nhận. Yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 được công nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Trần Quang N2, hộ gia đình ông Trần Quang T8 với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 456m² tại các thửa đất số 159, 160, tờ bản đồ số 26, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình ông Trần Quang T8, hộ gia đình ông Trần Quang N2 được sử dụng toàn bộ 02 thửa đất số 156, 160 tờ bản đồ số 26, diện tích 456m² xứ đồng T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Trong đó diện tích hộ gia đình ông Trần Quang T8 sử dụng diện tích là 160m² ; Hộ gia đình ông Trần Quang N2 sử dụng diện tích đất là 296m².

Giao Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 được sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 xứ đồng Trầu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T8 là 105.280.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 168m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang N2 là 110.544.000đ.

12. Hộ gia đình bà Quách Thị H2, ông Nguyễn Đình T1 được giao sử dụng diện tích đất 150m² tại thửa đất 365, tờ bản đồ 16 (BL 588); Hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 được giao thửa đất 439, tờ bản đồ 16 diện

tích 100m² (BL 580). Lời khai của bà Quách Thị H2 (BL472) bà Dư Thị L1 (BL453) và tại phiên tòa sơ thẩm đều khai nhận sau khi nhận đất được giao thì không nhớ vào năm nào, hai bên gia đình có thỏa thuận bằng lời nói là đổi 02 diện tích đất trên cho nhau. Hình thức đổi sang ngang, không đền bù gì thêm. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và mỗi bên tự quản lý sử dụng thửa đất được đổi. Quá trình sử dụng, năm 2008, gia đình bà Dư Thị L1 sử dụng diện tích đất 150m² tại thửa đất 365, tờ bản đồ 16 cùng với diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 của gia đình ông L2, bà L1 được giao đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S lấy thửa đất thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15, diện tích 180m² thuộc xứ đồng Châu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Nguồn gốc thửa 35 Nhà nước giao cho gia đình ông Trương Danh T24, bà Trần Thị M1 (đứng tên mẹ ông T24 là cụ Nguyễn Thị H7 trên tờ bản đồ). Khoảng năm 2004-2005, gia đình ông T24 giao cho gia đình anh Nguyễn Đình S sử dụng thửa đất này theo thỏa thuận hai bên, đến nay gia đình ông T24, bà Minh xác N6 không có tranh chấp gì. Tranh chấp giữa bà Dư Thị L1 và anh Nguyễn Đình S chỉ phát sinh khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án sông T và bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 của gia đình ông L2, bà L1 được giao và diện tích đất 150m² tại thửa đất 365, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2. Gia đình bà Quách Thị H2 yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất 439, tờ bản đồ 16 diện tích 100m² mà ông L2, bà L1 đã đổi; Gia đình bà Dư Thị L1 yêu cầu đòi lại thửa đất 439, tờ bản đồ 16 diện tích 100m² của bà Quách Thị H2 đồng thời được nhận tiền bồi thường GPMB đối với diện tích 150m² mang tên gia đình bà ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 số tiền 98.700.000đ; Đề nghị để bà Quách Thị H2 và ông Nguyễn Đình S tự giải quyết tranh chấp.

HĐXX xét thấy: Mặc dù giao dịch đổi đất giữa gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 và gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 cũng như việc đổi đất giữa gia đình bà Dư Thị L1 và gia đình anh Nguyễn Đình S tại thời điểm giao dịch đều xác lập bằng lời nói, chưa đăng ký biến động là chưa đúng với các quy định tại Điều 124, 692 BLDS năm 2005 nhưng các bên đã thực hiện xong việc đổi đất chứng minh bằng hành vi giao nhận đất đổi cho nhau, quá trình sử dụng đã canh tác, quản lý đất cũng như không có ý kiến gì về việc từ năm 2008 gia đình anh Nguyễn Đình S đã chuyển đổi sử dụng từ đất đám mạ trồng lúa 1 vụ sang đất vườn ao. Diện tích đất hộ gia đình bà Dư Thị L1 có được do đổi đất cho hộ gia đình anh S gia đình bà Dư Thị L1 vẫn được canh tác từ khi đổi đất năm 2008 đến nay, không tranh chấp với ai; Diện tích đất bà Quách Thị H2 có được do đổi đất cho hộ gia đình bà Dư Thị L1 hiện gia đình bà Quách Thị H2 vẫn đang quản lý. Nội dung giao dịch giữa các bên rõ ràng và đã thực hiện xong. Nay gia đình bà Dư Thị L1 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình bà Dư Thị L1 là không được chấp nhận. Yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 100m² tại thửa đất 439, tờ bản đồ 16 của hộ gia đình bà Quách Thị H2 được công nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực pháp luật của giao

dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 về việc chuyển đổi diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 150m² tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Châu Trên và diện tích đất 300m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình bà Quách Thị H2 được sử dụng diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao Hộ gia đình bà Dư Thị L1 được sử dụng diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Trầu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 là 98.700.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 là 98.700.000đ.

13.Đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị V: Tại sổ mục kê trang 79 hộ gia đình ông Phạm Văn H3 có kê khai diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 xứ đồng Bà M. Ông Phạm Văn V1 là anh trai ông H3, vợ ông V1 là bà Đỗ Thị B2. Lời khai của ông Phạm Văn V1, ông Phạm Văn H3 tại Biên bản làm việc ngày 03/5/2024 (BL374) thể hiện: Do gia đình ông V1, bà B2 không có đất reo mạ nên ông H3 đã giao diện tích đất 187m² tại thửa 366 cho gia đình ông V1, bà B2 sử dụng. Lời khai của bà Đỗ Thị B2 trình bày việc ông H3 giao diện tích đất trên cho gia đình bà B2 vì chồng bà ông Phạm Văn V1 là anh trưởng nên ông Phạm Văn H3 giao tiêu chuẩn đất của mẹ cho anh trai sử dụng. Ông Phạm Văn H3 không công nhận lời khai của bà Đỗ Thị B2, tuy nhiên, tại sổ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại UBND thị trấn T số quản lý I571184 thì diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 không còn nằm trong danh mục các thửa đất hộ gia đình ông Phạm Văn H3 được quản lý sử dụng (BL 589). Lời khai của ông Phạm Văn V5, bà Đỗ Thị B2 (BL 363, 365) và anh Nguyễn Đình S cùng trình bày: Năm 2008, gia đình ông V5, bà B2 dùng diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S lấy thửa đất diện tích đất 96m² đất hai lúa tại thửa 19, tờ bản đồ 19 của gia đình anh Nguyễn Đình S được Nhà nước giao mang tên bà Nguyễn Thị V4 mẹ đẻ anh S (BL 606A) (*cùng thửa với các diện tích khác mà gia đình anh Nguyễn Đình S đổi cho gia đình ông Nguyễn Đức T15, gia đình bà Nguyễn Thị L6, gia đình ông Nguyễn Đình T18*). Lời khai ban đầu của ông Phạm Văn H3 (BL 374) đề nghị giải quyết để gia đình ông H3 được nhận tiền thu hồi đất diện tích 187m² với số tiền bồi thường GPMB số tiền 51.868.800đ sau đó ông Phạm Văn H3 thay đổi lời khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi liên quan gì mà để gia đình ông V5, bà B2 giải quyết với gia đình anh S. Lời khai ban đầu bà Đỗ Thị B2, ông Phạm Văn V1 (BL 363) đề nghị công nhận việc đổi đất giữa gia đình ông V1, bà B2 với gia đình anh

Nguyễn Đình S và đề gia đình anh Nguyễn Đình S nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng; tại phiên tòa sơ thẩm cả gia đình ông Phạm Văn H3 và gia đình ông Phạm Văn V1 do bà Đỗ Thị B2 đại diện đều thay đổi yêu cầu. Ông Phạm Văn H3 yêu cầu được nhận tiền nhận tiền thu hồi đất diện tích 187m² với số tiền bồi thường GPMB số tiền 51.868.800đ, yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 75m² do diện tích thu hồi có 1 phần đất mượn tạm. (35,9m²). Gia đình bà Đỗ Thị B2 yêu cầu trả lại cho gia đình anh S diện tích đất 96m² đất hai lúa tại thửa 19, tờ bản đồ 19 của gia đình anh Nguyễn Đình S, đề nghị được nhận tiền nhận tiền thu hồi đất diện tích 187m² với số tiền bồi thường GPMB số tiền 51.868.800đ, yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 75m² do diện tích thu hồi có 1 phần đất mượn tạm. (35,9m²).

HĐXX xét thấy: Diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 khi giao đất ban đầu do hộ gia đình ông Phạm Văn H3 được giao, nhưng giữa gia đình ông Phạm Văn H3 và gia đình ông Phạm Văn V1 có quan hệ huyết thống liên quan đến diện tích đất mẹ của hai ông được giao nằm trong sổ sách giấy tờ mang tên hộ ông Phạm Văn H3. Tại phiên tòa ông Phạm Văn H3 không thừa nhận việc giao đất cho gia đình ông Phạm Văn V1 như lời trình bày của bà Đỗ Thị B2 nhưng quá trình sử dụng đất tại địa phương cho thấy ông Phạm Văn H3 đã không quản lý, sử dụng diện tích đất tại thửa 366, điều đó còn thể hiện tại sổ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số quản lý I571184 của hộ gia đình ông Phạm Văn H3 không còn thửa đất này. Thửa đất được ông H3 giao cho hộ gia đình ông Phạm Văn V1 là đúng như lời trình bày của bà Đỗ Thị B2. Quá trình giải quyết vụ án, lời khai ban đầu ông Phạm Văn H3 yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết để được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; sau đó rút yêu cầu độc lập và thay đổi lời khai đề nghị để gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 giải quyết với gia đình anh Nguyễn Đình S. Tại phiên tòa ông Phạm Văn H3 có mặt thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết để ông Phạm Văn H3 được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Yêu cầu của ông Phạm Văn H3 tại phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Theo quy định tại Điều 108, 170, 215 BLDS năm 2005 thì kể từ thời điểm hộ gia đình ông Phạm Văn H3 giao đất cho gia đình ông Phạm Văn V1 thì gia đình ông Phạm Văn H3 không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16. Xét giao dịch đổi đất giữa gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 và gia đình anh Nguyễn Đình S tại thời điểm giao dịch năm 2008 xác lập bằng lời nói, chưa đăng ký biến động là chưa đúng với các quy định tại Điều 124, 692 BLDS năm 2005 nhưng các bên đã thực hiện xong việc đổi đất chứng minh bằng hành vi giao nhận đất đổi cho nhau, quá trình sử dụng đã canh tác, quản lý đất cũng như không có ý kiến gì về việc từ năm 2008 gia đình anh Nguyễn Đình S đã chuyển đổi sử dụng từ đất đám mạ trồng lúa 1 vụ sang đất vườn ao. Diện tích đất hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 có được do đổi đất cho hộ gia đình anh S thì gia đình ông V1, bà B2 vẫn được canh tác từ khi đổi đất năm 2008 đến nay, không tranh chấp với ai, cũng không tranh chấp với người cùng sử dụng thửa đất do gia đình anh S đổi là hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 và hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15. Nội dung giao dịch giữa các bên rõ ràng và đã thực hiện xong. Nay gia đình

ông V1, bà B2 thay đổi là trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại chương 2 BLDS năm 2005 nay là Điều 3 BLDS 2015 nên yêu cầu của hộ gia đình bà Đỗ Thị B2 là không được chấp nhận. HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19.

Giao hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 được sử dụng diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 112m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị V là 51.868.800đ.

14. Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 được Nhà nước giao sử dụng diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16; diện tích 95m² tại thửa 272, tờ bản đồ 16 xứ Gò Gai; Diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19. Hộ gia đình ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 được giao sử dụng diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 (BL 595); Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K được giao sử dụng diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít (BL 601). Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được giao sử dụng diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ đồng Ao Bá .

Lời khai của ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 (BL 488) và lời khai của ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 (BL483) đều trình bày: Năm 2002 gia đình ông Trần Quang S2 và gia đình ông Nguyễn Xuân L10 có giao dịch bằng lời nói đổi đất cho nhau theo đó, gia đình ông Trần Quang S2 giao cho gia đình ông Nguyễn Xuân L10 sử dụng diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 còn gia đình ông Nguyễn Xuân L10 giao cho gia đình ông S2 sử dụng diện tích 95m² tại thửa 272, tờ bản đồ 16 xứ Gò Gai. Hai bên đã giao nhận đất đổi và quản lý sử dụng đất nhưng chưa thực hiện đăng ký biến động. Việc gia đình ông L10 sau này mang diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 (mang tên hộ gia đình ông S2) để đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S như thế nào thì gia đình ông S2 không biết, năm 2008, gia đình anh S đào ao làm vườn trên diện tích đất này thì gia đình ông S2 không có ý kiến gì. Tuy nhiên diện tích đất gia đình ông Nguyễn Xuân L10 giao cho gia đình ông S2 ở xứ đồng G thì năm 2018 khi Nhà nước thu hồi dự án sông T gia đình ông Nguyễn Xuân L10 lại nhận tiền bồi thường GPMB. Qua điểm của ông Trần Quang S2 là ông không đổi đất cho gia đình anh Nguyễn Đình S. Việc đổi đất giữa gia đình ông S2 và gia đình ông L10 thì đã hoàn trả lại cho nhau, ông L10 đã nhận tiền bồi thường thửa đất giao cho ông S2, do vậy ông S2 yêu cầu được nhận tiền bồi thường thu hồi đất giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất mà gia đình ông Trần Quang S2 được giao ban đầu diện tích 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16.

Lời khai của bà Hà Thị K (BL 501) và tại phiên tòa; Lời khai của Ông L10, bà C2 (BL 483) thể hiện: Năm 2002, gia đình bà Hà Thị K và gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 có giao dịch đổi đất cho nhau theo đó, gia đình bà Hà Thị K giao cho gia đình ông Nguyễn Xuân L10 sử dụng diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít còn gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 giao cho gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và quản lý sử dụng đất đổi cho nhau. Việc gia đình ông Nguyễn Xuân L10 lấy diện tích đất tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 để đổi đất cho gia đình anh Nguyễn Đình S và gia đình anh Nguyễn Đình S cải tạo đào ao làm vườn trên đất gia đình ông T10, bà K đều không có ý kiến gì. Tuy nhiên, năm 2018 khi Nhà nước thu hồi đất làm dự án sông T thì gia đình ông L10, bà C2 trả lại diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít cho gia đình ông T10, bà K như ban đầu, đồng thời gia đình ông L10, bà C2 cũng lấy lại diện tích đất đổi tích đất 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng C8 đã giao cho ông T10, bà K trước đó, tuy nhiên diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 để đổi đất cho gia đình anh Nguyễn Đình S thì gia đình ông L10, bà C2 không đề cập giải quyết.

Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Đình S và lời khai ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 (BL 483) đều trình bày: Năm 2008, gia đình ông Nguyễn Xuân L10 đổi diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 của gia đình ông L10 và các diện tích đất đất mà gia đình ông L10 có được do gia đình ông L10 đổi đất cho gia đình ông Trần Quang S2, gia đình ông Nguyễn Văn T10 (*gồm diện tích 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2 và diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10*) để đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S lấy diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ Ao Bá của gia đình anh Nguyễn Đình S.

Quan điểm của ông Trần Quang S2 yêu cầu được giải quyết quyền lợi của gia đình ông S2 đối với diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mà gia đình ông S2 được giao ban đầu theo đó: Gia đình ông S2 được nhận tiền thu hồi đất GPMB đối với diện tích đất 59,2m² trong đó có 19,4m² đất mượn tạm, số tiền 27.158.400đ và đề nghị được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 34,8m²; Quan điểm của gia đình bà Hà Thị K yêu cầu được giải quyết quyền lợi của gia đình ông T10, bà K đối với diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mà gia đình ông T10, bà K được giao ban đầu theo đó: Gia đình ông T10, bà K được nhận tiền thu hồi đất GPMB đối với diện tích đất 92,6m² trong đó có 29,4m² đất mượn tạm, số tiền 43.055.600đ và đề nghị được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 51,4m².

HĐXX xét thấy: Giao dịch đổi đất giữa gia đình ông Trần Quang S2 và gia đình ông Nguyễn Xuân L10; Giao dịch đổi đất giữa gia đình ông Nguyễn Văn T10 và gia đình ông Nguyễn Xuân L10; Giao dịch đổi đất giữa gia đình

ông Nguyễn Xuân L10 và gia đình anh Nguyễn Đình S tại thời điểm giao dịch đều xác lập bằng lời nói, chưa đăng ký biến động là chưa đúng với các quy định tại Điều 124, 692 BLDS năm 2005 nhưng các bên đã thực hiện xong việc đổi đất chứng minh bằng hành vi giao nhận đất đổi cho nhau, quá trình sử dụng đã canh tác, quản lý đất cũng như không có ý kiến gì về việc từ năm 2008 gia đình anh Nguyễn Đình S đã chuyển đổi sử dụng các diện tích đất ban đầu mang tên hộ ông Trần Quang S2, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 từ đất đám mạ 1 lúa sang đất ao vườn. Từ đó có cơ sở để kết luận, vào thời điểm năm 2008 khi hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 sử dụng các diện tích 98m² của gia đình ông L10, diện tích đất 98m² mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2 và diện tích đất 149m² mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 mang đổi cho gia đình anh Nguyễn Đình S thì hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 đang được sử dụng hợp pháp 3 diện tích đất đổi này.

Trong vụ án này, vào năm 2018 giữa gia đình ông Trần Quang S2, gia đình ông Nguyễn Văn T10 và gia đình ông Nguyễn Xuân L10 có thỏa thuận mà theo lời trình bày của ông S2 là ông L10 đã nhận tiền bồi thường thu hồi đất đổi cho ông S2 tại xứ đồng G; Theo lời trình bày của bà Hà Thị K thì gia đình bà K và gia đình ông L10, bà C2 đã đổi lại đất tại xứ đồng M2 và xứ Đ cho nhau. Hộ gia đình ông S2, hộ gia đình bà K có yêu cầu độc lập về việc trả đất, trả tiền. Hộ gia đình ông S2 không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí. Do vậy HĐXX sơ thẩm không giải quyết giao dịch giữa gia đình ông Trần Quang S2 đối với gia đình ông Nguyễn Xuân L10 liên quan đến việc ông S2 trình bày là gia đình ông Nguyễn Xuân L10 đã nhận tiền bồi thường GPMB diện tích 95m² tại thửa 272, tờ bản đồ 16 xứ Gò Gai. Dành quyền khởi kiện cho gia đình ông Trần Quang S2 đối với gia đình ông Nguyễn Xuân L10 trong một vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Hộ gia đình bà K nộp tạm ứng án phí, hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 có lời khai đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật. Xét năm 2002 gia đình bà K đã giao cho gia đình ông L10 diện tích đất 149m² tại thửa đất 366, hộ gia đình ông L10 lấy diện tích của gia đình ông L10 98m² + 98m² của hộ gia đình ông S2 + 149m² hộ gia đình bà K = 445m² để đổi cho gia đình ông S lấy diện tích 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ đồng Ao B7 hiện nay hộ gia đình ông L10 đang sử dụng theo giá trị định giá là 115m² x 108.000đ/m² = 12.420.000đ. Năm 2018, hộ gia đình ông L10 đã giao lại cho hộ gia đình bà K 02 thửa đất tại xứ đồng Mít; Hộ gia đình bà K đã giao lại cho hộ gia đình ông L10 thửa đất xứ đồng Châu. Đối với diện tích đất 149m² tại thửa 366 hộ gia đình ông L10 đã mang đổi cho hộ gia đình anh S thì hộ gia đình ông L10 phải có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình bà Hà Thị K theo giá trị định giá 108.000đ/m² tương đương giá trị 149m² x 108.000đ/m² = 16.092.000đ.

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K được tiếp tục sử dụng diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10

Hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 được tiếp tục diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu mang tên hộ gia đình bà Ngô Thị C6.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S đề nghị công nhận giao dịch đổi đất giữa gia đình anh Nguyễn Đình S và gia đình ông Nguyễn Xuân L10. Yêu cầu của anh S là có căn cứ, do vậy HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 107, 693 BLDS 2005; Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013 công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi các diện tích đất: Diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10; diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2; diện tích 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 với diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 được sử dụng diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ Ao Bá thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 92,6m² tại thửa 36, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K là 43.055.600đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 sau thu hồi còn là 51,4m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 59,2m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 là 27.158.400đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2 sau thu hồi còn là 34,8m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 62,7m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 là 29.035.800đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 sau thu hồi còn là 35,3m².

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Nguyễn Thị L6, bà Du Thị L12,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L4.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Du Thị L12, bà Nguyễn Thị L6, bà Nguyễn Thị L4 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, ông Trần Quang N2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền dự phí kháng cáo đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Đình S tự nguyện chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất. Sự tự nguyện của nguyên đơn Nguyễn Đình S không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đình S chịu án phí đối với yêu cầu công nhận 16 giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Số tiền án phí anh Nguyễn Đình S phải nộp là 4.800.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.000.000đ anh Nguyễn Đình S đã nộp theo Biên lai số 0013896 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Anh Nguyễn Đình S được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn là 19.200.000đ và 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 0014186 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Miễn án phí cho các đương sự có yêu cầu độc lập là người cao tuổi gồm: Bà Dư Thị L1, ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị L6, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L4, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, ông Nguyễn Xuân L10.

Yêu cầu của bà Quách Thị H2 được chấp nhận nên trả lại bà Quách Thị H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.930.000đ theo Biên lai số 0014072 ngày 10/4/2024.

Trả lại ông Phạm Văn H3 số tiền tạm ứng án phí là 1.200.000đ ông H3 đã nộp theo Biên lai số 0014123 ngày 07/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Trả lại bà Hà Thị K số tiền tạm ứng án phí là 2.300.000đ bà K đã nộp theo Biên lai số 0014194 ngày 10/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/DS-ST ngày 26-30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba vì, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 107, 693 BLDS 2005;
- Điều 689, Điều 116, 129 BLDS năm 2015;
- Khoản 10 Điều 3; Điều 77 Luật đất đai 2013;
- Điều 4 Luật người cao tuổi,
- Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà Nguyễn Thị L4
- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình S.
- + Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp được xác lập giữa hộ gia đình ông Nguyễn Đình S và các hộ gia đình tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội cụ thể như sau:

1. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất diện tích 204m² tại các thửa đất 358, 360, tờ bản đồ 16 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội giữa người chuyển nhượng hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1 bà Phùng Thị S3 và người nhận chuyển nhượng hộ gia đình anh Nguyễn Đình S, chị Lê Thị H10 năm 2008. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB diện tích đất 128m² tại thửa đất 360, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 84.224.000đ; Thu hồi 139,1m² tại thửa 358, số tiền được bồi thường hỗ trợ là 77.665.400đ. Tổng là 161.889.400đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi đối với diện tích đất mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn P1, bà Phùng Thị S3 tại thửa 358 là 10,9m².

2. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B năm 2008. Diện tích đất hộ gia đình anh Nguyễn Duy B1 sử dụng 150m² tại thửa 368, tờ bản đồ 20 khu Tràm Bà Mại hiện đã thu hồi, anh B1 đã nhận được tiền bồi thường GPMB và không tranh chấp gì với người đổi đất là gia đình anh Nguyễn Đình S nên HĐXX không xem xét. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 231,2m² đất tại thửa 358, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy B, Nguyễn Thị L4 là 122.810.400đ. Hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 28.8m².

3. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 giữa hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng thửa đất 483, tờ bản đồ 16, diện tích 120m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB đối với diện tích đất 128m² tại thửa 360, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị H1, số tiền là 84.224.000đ.

4. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình anh Nguyễn Bá C3, chị Nguyễn Thị T19 được quyền sử dụng ½ thửa đất 264, tờ bản đồ 16, diện tích 185m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên gia đình ông Nguyễn Bá C5 con Nguyễn Bá C3, số tiền là 103.306.000đ.

5. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Duy T20, bà Nguyễn Thị H9 được quyền sử dụng diện tích đất 190m² thửa đất 287, tờ bản đồ 20, xứ đồng Trần Cổ N4 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 86,6m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Duy T23, con trai Nguyễn Duy T20 số tiền là 41.174.800đ. Gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 57,4m²

6.Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 sử dụng diện tích đất 72m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu Trên tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 43,2m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đức T15, bà Phùng Thị N3 số tiền là 19.913.600đ. Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 28,8m².

7.Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 với hộ gia đình ông Nguyễn Đình S.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị T2 sử dụng ½ thửa đất 264, tờ bản đồ 16 tương đương diện tích đất 185m² tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 157m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Duy L5 số tiền là 103.306.000đ.

8.Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình hộ gia đình bà Nguyễn Thị X với hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 84m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị X sử dụng diện tích đất 84m² thửa đất 02, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị X là 105.280.000đ.

9.Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 147m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 152m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 sử dụng diện tích đất 147m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 105,4m² trong đó có 29,2m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị L6 số tiền là 51.599.600đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 46,6m².

10. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất diện tích đất 80m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 147m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Đình T18 sử dụng diện tích đất 80m² thửa đất 19, tờ bản đồ 19 tại xứ đồng Châu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 98,7m² trong đó có 29,9m² đất mượn tạm tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình bà ông Nguyễn Duy T11 bà Lê thị X1 là 46.765.400đ. Giao hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng diện tích đất còn lại sau thu hồi là 48,3m².

11. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2008 hộ gia đình ông Trần Quang N2, hộ gia đình ông Trần Quang T8 với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 456m² tại các thửa đất số 159, 160, tờ bản đồ số 26, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao hộ gia đình ông Trần Quang T8, hộ gia đình ông Trần Quang N2 được sử dụng toàn bộ 02 thửa đất số 156, 160 tờ bản đồ số 26, diện tích 456m² xứ đồng T, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội. Trong đó diện tích hộ gia đình ông Trần Quang T8 sử dụng diện tích là 160m² ; Hộ gia đình ông Trần Quang N2 sử dụng diện tích đất là 296m².

12. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 và diện tích đất 328m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L4 được sử dụng diện tích đất 360m² tại thửa 02, tờ bản đồ 19 xứ đồng Trầu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 160m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang T8 là 105.280.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 168m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang N2 là 110.544.000đ.

13. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 về việc chuyển đổi diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 với diện tích đất 150m² tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội

Giao hộ gia đình bà Quách Thị H2 được sử dụng diện tích đất 100m² tại thửa 439, tờ bản đồ 16 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

14. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bên chuyển đổi hộ gia đình anh Nguyễn Đình S và hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L11 về việc chuyển đổi hai diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Châu Trên và diện tích đất 300m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16.

Giao Hộ gia đình bà Dư Thị L1 được sử dụng diện tích đất 180m² tại thửa 35, tờ bản đồ 15 xứ đồng Châu Trên, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn L2, bà Dư Thị L1 là 98.700.000đ; Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 150m² tại thửa 365, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình T1, bà Quách Thị H2 là 98.700.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dư Thị L1 đòi quyền sử dụng đất của bà Quách Thị H2

15. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi hai diện tích đất 187m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 và diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19.

Giao hộ gia đình ông Phạm Văn V1, bà Đỗ Thị B2 được sử dụng diện tích đất 96m² tại thửa 19, tờ bản đồ 19 thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 112m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị V là 51.868.800đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H3 về việc nhận tiền bồi thường GPMB

16. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các bên chuyển đổi hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 và hộ gia đình anh Nguyễn Đình S về việc chuyển đổi các diện tích đất: diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10; diện tích đất 98m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2; Diện tích 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 với diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16, thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 được sử dụng diện tích đất 115m² tại thửa 468, tờ bản đồ 16 xứ Ao Bá thôn C, thị trấn T, huyện B, Hà Nội.

Hộ gia đình anh Nguyễn Đình S được nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 92,6m² tại thửa 36, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K là 43.055.600đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 sau thu hồi còn là 51,4m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 59,2m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng

hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2, bà Phùng Thị H5 là 27.158.400đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Trần Quang S2 sau thu hồi còn là 34,8m². Nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB thu hồi diện tích đất 62,7m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 theo bảng tổng hợp phương án bồi thường mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 là 29.035.800đ; được sử dụng diện tích đất còn lại mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 bà Ngô Thị C2 sau thu hồi còn là 35,3m².

Dành quyền khởi kiện cho gia đình ông Trần Quang S2 đối với gia đình ông Nguyễn Xuân L10 trong một vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

17. Công nhận hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự chuyển đổi lại quyền sử dụng đất năm 2018 giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10 bà Hà Thị K và gia đình ông Nguyễn Xuân L10 về việc chuyển đổi lại diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu

Giao Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K được tiếp tục sử dụng diện tích đất 175m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít; diện tích 150m² tại thửa 88, tờ bản đồ 19 xứ đồng Mít mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10

Giao hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 được tiếp tục diện tích 360m² tại thửa số 32, tờ bản đồ 19 xứ đồng Châu mang tên hộ gia đình bà Ngô Thị C6.

Buộc gia đình ông Nguyễn Xuân L10, bà Ngô Thị C2 phải trả cho gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K giá trị quyền sử dụng diện tích đất 149m² tại thửa 366, tờ bản đồ 16 là 16.092.000đ.

Kể từ ngày hộ gia đình ông Nguyễn Văn T10, bà Hà Thị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hộ gia đình ông Nguyễn Xuân L10 không tự nguyện trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

+ Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

+ Tổng số tiền hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được nhận là 1.404.611.800đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, gia đình ông Nguyễn Đình S có nghĩa vụ liên hệ với Trung tâm quỹ đất huyện B để nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Tổng số diện tích đất còn lại sau thu hồi giải phóng mặt bằng trong vụ án này hộ gia đình ông Nguyễn Đình S được tiếp tục sử dụng là 485,7m².

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các hộ gia đình được giao quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đỗ Thị B2, ông Trần Quang T8, bà Lê Thị X1, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Duy L5, bà Phùng Thị N3, bà Du Thị L12, bà Nguyễn Thị L6, bà Nguyễn Thị L4.

Ông Trần Quang S2, bà Hà Thị K, ông Trần Quang N2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền dự phí kháng

cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0014327 ngày 03/10/2024; Biên lai thu số 0014326 ngày 03/10/2024; Biên lai thu số 0014441 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đình S chịu án phí đối với yêu cầu công nhận 16 giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Số tiền án phí anh Nguyễn Đình S phải nộp là 4.800.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.000.000đ anh Nguyễn Đình S đã nộp theo Biên lai số 0013896 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Anh Nguyễn Đình S được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn là 19.200.000đ và 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 0014186 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Miễn án phí cho các đương sự có yêu cầu độc lập gồm: Bà Dư Thị L1, ông Phạm Văn H3, bà Nguyễn Thị L6, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L4, ông Trần Quang T8, ông Trần Quang N2, bà Lê Thị X1, ông Nguyễn Xuân L10.

Yêu cầu của bà Quách Thị H2 được chấp nhận nên trả lại bà Quách Thị H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.930.000đ theo Biên lai số 0014072 ngày 10/4/2024.

Trả lại ông Phạm Văn H3 số tiền tạm ứng án phí là 1.200.000đ ông H3 đã nộp theo Biên lai số 0014123 ngày 07/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Trả lại bà Hà Thị K số tiền tạm ứng án phí là 2.300.000đ bà K đã nộp theo Biên lai số 0014194 ngày 10/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh

